

 KB Securities

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

  
KB Securities

# I Mục lục

<b>01</b>	<b>Tổng quan về Công ty</b>	
	Thông tin chung	10
	Lịch sử hình thành và phát triển	12
	Giới thiệu về KB Financial Group	14
	Mô hình tổ chức	16
	Chiến lược phát triển và Quản trị rủi ro	18
	Danh hiệu và Giải thưởng	24

<b>02</b>	<b>Kết quả hoạt động 2023</b>	
	Kết quả kinh doanh	28
	Tổ chức nhân sự	30
	Tình hình tài chính	40
	Cơ cấu cổ đông	42

<b>03</b>	<b>Báo cáo Môi trường và Trách nhiệm xã hội</b>	
	Mục tiêu ESG của KBSV	46
	Các hoạt động ESG của KBSV năm 2023 và tác động của các hoạt động này tới Môi trường, Xã hội, Quản trị	47

<b>04</b>	<b>Báo cáo đánh giá từ Ban Giám đốc</b>	
	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	56
	Tình hình tài chính	57
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	57
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	58

<b>05</b>	<b>Đánh giá của Hội đồng Quản trị</b>	
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	62
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	63
	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	63

<b>06</b>	<b>Quản trị Công ty</b>	
	Hội đồng Quản trị	66
	Ban Kiểm soát	70
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	71

<b>07</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>	
	Hợp đồng kiểm toán	75
	Ý kiến kiểm toán	75
	Nội dung Báo cáo tài chính	76



# Thông điệp

## Hội đồng Quản trị



**Ông Park Chunsoo**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

### *Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và Đồng nghiệp*

Đầu tiên, chúng tôi mong muốn bày tỏ lời cảm ơn tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác, Đồng nghiệp và người dân Việt Nam đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam trong năm 2023. Giữ vai trò là đối tác tài chính lớn đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam, chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục đầu tư, phát triển và thực hiện trách nhiệm xã hội một cách toàn diện.

Tập đoàn tài chính KB đã và đang thực hiện sứ mệnh thay đổi mang tính toàn cầu với Tuyên bố giá trị "Mang lại hạnh phúc trên hành trình đầu tư của khách hàng". KBSV sẽ không ngừng phát triển, tiên phong ứng dụng và đổi mới công nghệ, thu hút đội ngũ chuyên gia đầu ngành hướng tới tầm nhìn trở thành đối tác đầu tư tài chính tin cậy trọn đời. Đồng thời chúng tôi cũng đặt mục tiêu trở thành Công ty chứng khoán áp dụng nền tảng số hàng đầu trên thị trường tài chính bằng cách xây dựng, nâng cấp và phát triển hệ thống công nghệ nhằm chuyển đổi số trong mọi hoạt động

Giá trị cao nhất mà KBSV theo đuổi chính là sự hài lòng của khách hàng. KBSV sẽ tiếp tục mang lại hạnh phúc cho khách hàng bằng cách cung cấp dịch vụ tài chính tốt nhất và nỗ lực tạo ra một thế giới tốt đẹp hơn. Là một thành viên trong gia đình của Tập đoàn tài chính KB, đại diện cho Hàn Quốc, KBSV hướng tới giá trị mà Tập đoàn tài chính KB luôn đề ra, đó là "Công ty tài chính thay đổi thế giới". Chúng tôi sẽ nỗ lực dẫn đầu sự đổi mới với tính chuyên nghiệp và đạo đức cao hơn bất kỳ công ty chứng khoán nào tại Việt Nam. Chúng tôi sẽ cùng người dân Việt Nam phát triển và trở thành công ty tài chính đáng tin cậy nhất trên thị trường thông qua các hoạt động và sản phẩm đầu tư đa dạng bên cạnh các hoạt động đóng góp xã hội.

Năm 2024 cũng là giai đoạn quan trọng khi hệ thống mới của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam được đưa vào sử dụng. Chúng tôi tin rằng việc triển khai và vận hành hệ thống KRX sẽ là bước ngoặt mới thúc đẩy tính thanh khoản và hướng tới việc nâng hạng thị trường chứng khoán. Với sự ra đời của hệ thống giao dịch và cơ sở hạ tầng tiên tiến, dự đoán sẽ thu hút nhiều dòng vốn đầu tư liên tục đổ vào thị trường vốn Việt Nam và các nhà đầu tư nước ngoài sẽ hướng đến Việt Nam với niềm tin vào tiềm năng phát triển. Để đáp ứng với bước ngoặt mới này cũng như góp phần phát triển thị trường vốn Việt Nam, KBSV cũng sẽ phát huy vai trò là đối tác tích cực trong nghiệp vụ đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng.

Trong tương lai, KBSV sẽ tiếp tục đồng hành cùng người dân Việt Nam với vai trò là một đối tác tài chính phát triển bền vững có những khách hàng hài lòng, có những nhân viên hạnh phúc và là nơi mà mọi người đều muốn làm việc, cống hiến.

Trân trọng!



**Ông Park Chunsoo**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## Sứ mệnh

Giải pháp tài chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc - Chung tay tạo nên một cuộc sống hạnh phúc và thế giới tốt đẹp hơn.

Chúng tôi hướng đến cung cấp các giải pháp tài chính mang lại cuộc sống hạnh phúc và thịnh vượng hơn cho khách hàng và xã hội.

## Tầm nhìn

Trở thành đối tác đầu tư tài chính tin cậy trọn đời bằng những tiên phong đột phá về công nghệ số kết hợp với đội ngũ chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư.



## Giá trị cốt lõi

**Trọng tâm đặt nơi Khách hàng:** Lấy lợi ích của khách hàng là kim chỉ nam trong mọi quyết định.

**Đội ngũ chuyên môn hóa cao:** Nỗ lực không ngừng nhằm củng cố vị thế dẫn đầu trên thị trường.

**Đổi mới sáng tạo:** Thúc đẩy những sáng kiến tiên phong tạo ra giá trị mới cho thị trường.

**Uy tín và Chính trực:** Cam kết tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, làm việc với tinh thần trung thực và công bằng.

**Cùng nhau phát triển:** Đồng hành với Khách hàng và Đối tác vì một xã hội phát triển bền vững.





Chương

# 01

## Giới thiệu về KBSV

Thông tin chung	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Giới thiệu về KB Financial Group	14
Mô hình tổ chức	16
Chiến lược phát triển và Quản trị rủi ro	18
Danh hiệu và Giải thưởng	24



# Thông tin chung

## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam ("KBSV") là một thành viên của KB Securities và Tập đoàn Tài chính KB (Hàn Quốc), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008).

### TÊN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam

### TÊN TIẾNG ANH

KB Securities Vietnam Joint Stock Company

### TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 16 - 17, Tháp 2, Tòa Capital Place, 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

(84) 24 7303 5333 - Fax: (84) 24 3776 5928

www.kbsec.com.vn/

### Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2023):

3.001.686.130.000

### Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2023):

3.001.686.130.000

### CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội.

(+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### CHI NHÁNH SÀI GÒN

Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh.

(+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh.

(84) 28 7303 5333 - Fax: (84) 28 3914 1969



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/6/2008 và được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ theo quy định.

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính
- Chứng khoán Phái sinh
- Lưu ký chứng khoán
- Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân



# Lịch sử hình thành và phát triển

## 2008-2012

### 2008

- Tháng 06/2008: Chính thức thành lập với tên gọi Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard (SSJ) với vốn điều lệ 35 tỷ đồng.

### 2010

- Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng và nhận giấy phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh bao gồm Tự doanh, Tư vấn tài chính và Bảo lãnh phát hành.

### 2011

- Tháng 03/2011: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (MSBS) và chuyển trụ sở chính về 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

### 2012

- Tách bạch và khai trương sở giao dịch MSBS tại Tầng 1, Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

## 2013-2016

### 2013

- Tháng 07/2013: Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại địa chỉ Tầng 2, Tòa nhà TNR Tower, 182-190 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

### 2014

- Khai trương Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 9, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và thành lập Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (IBD) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2015

- Tháng 08/2015: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hàng Hải (MSI).

### 2016

- Tháng 05/2016: Trở thành công ty đại chúng.

## 2017-2019

### 2017

- Tháng 10/2017: MSI trở thành thành viên của KB Securities và Tập đoàn tài chính KB Financial Group (Hàn Quốc).

### 2018

- Tháng 01/2018: Đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV).
- Tháng 12/2018: Tăng vốn điều lệ giai đoạn 01 lên 1.107.078.600.000 đồng.

### 2019

- Tháng 01/2019: Khai trương Chi nhánh Sài Gòn tại địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tháng 02/2019: Chính thức hoàn thành tăng vốn điều lệ giai đoạn 02 lên 1.675.020.900 đồng và trở thành 01 trong 10 Công ty Chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam.
- Tháng 03/2019: Chuyển địa điểm Chi nhánh Hà Nội về Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội.
- Tháng 08/2019: Chính thức triển khai giao dịch Chứng khoán phái sinh.

## 2020-2023

### 2020

- Tháng 02: KBSV ra mắt kênh giao dịch mới KB-able và ứng dụng giao dịch M-able.
- Tháng 03/2020: KBSV điều chỉnh địa chỉ Chi nhánh Sài Gòn thành: Tầng 01 và tầng 15, Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, TP Hồ Chí Minh.
- 20/08/2020: KBSV điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán về việc sửa đổi địa điểm trụ sở chính thành: Tầng G, M, 2 & 7 Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

### 2021

- Tháng 06/2020: KBSV điều chỉnh địa chỉ Chi nhánh Hà Nội thành: Tầng 01, Tầng 02, Số 05 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội.
- Tháng 12/2021: KBSV chính thức tăng vốn điều lệ lên 3.001.686.130.000 đồng.

### 2022

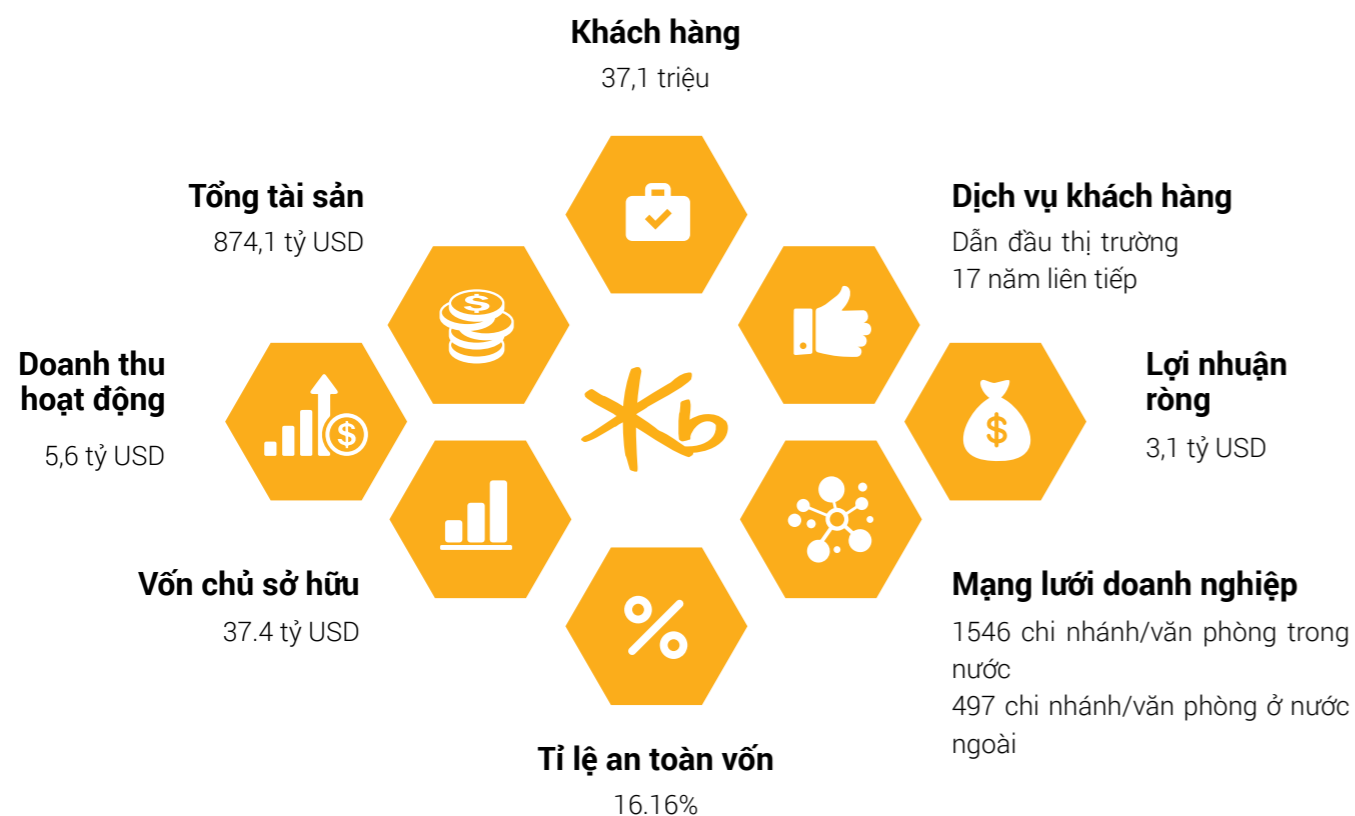
- Tháng 12/2022: KBSV ra mắt Ứng dụng Đầu tư Chứng khoán KB Buddy dành cho Nhà đầu tư mới.

### 2023

- Tháng 04/2023: Chuyển địa chỉ trụ sở chính về Tầng 16, 17 tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
- Tháng 12/2023: KBSV ra mắt phiên bản KB Buddy Pro dành cho Nhà đầu tư có kinh nghiệm.
- Tháng 12/2023: KBSV đăng ký thành công hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

# Giới thiệu KB Financial Group

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là thành viên của KB Securities, trực thuộc tập đoàn tài chính KB Financial Group (“KBFG”).



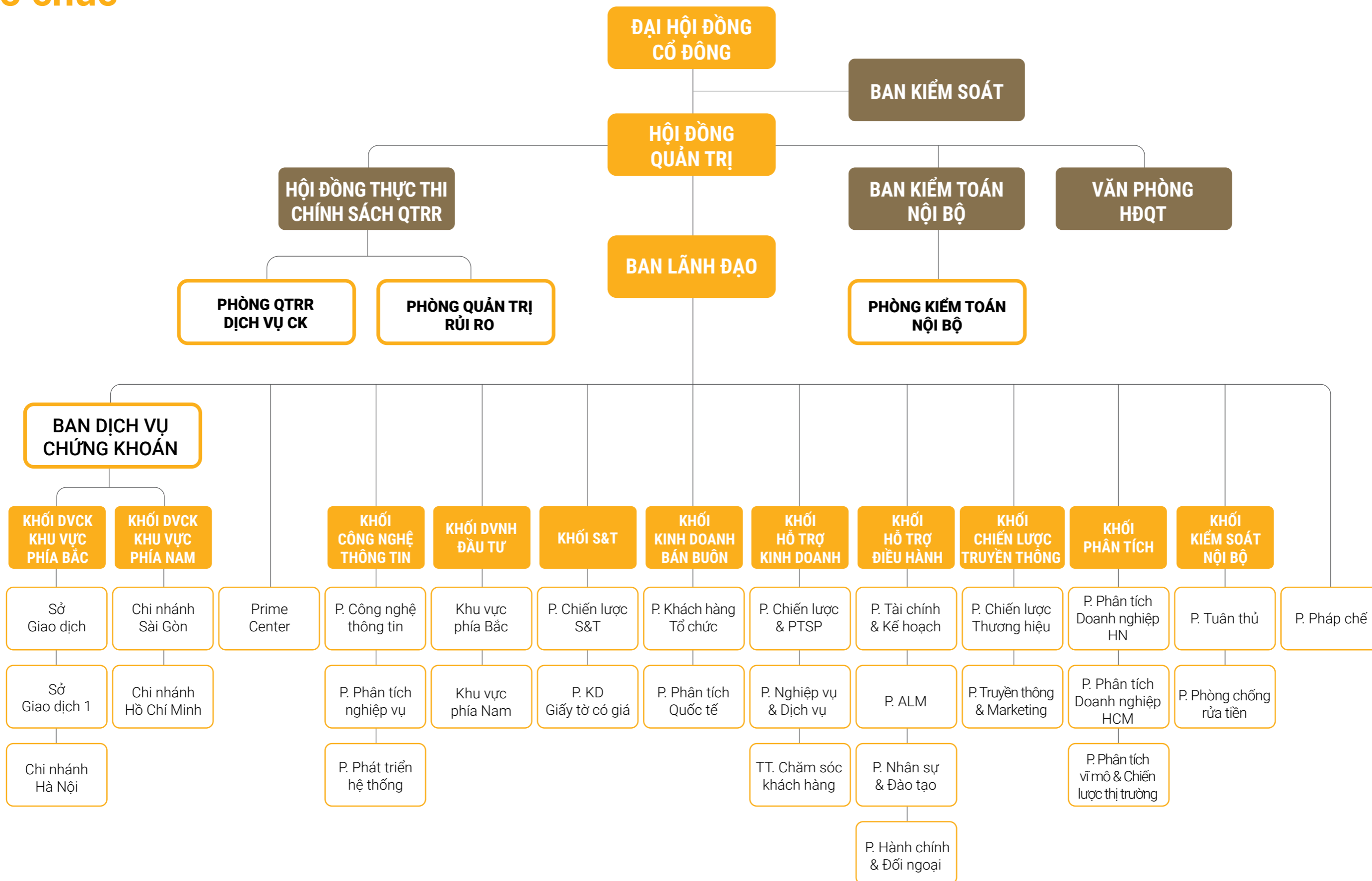
\*Số liệu được tổng hợp từ Báo cáo tài chính 2023 của KBFG

Là **tập đoàn tài chính hàng đầu tại Hàn Quốc**, KBFG sở hữu 12 công ty bao gồm: KB Kookmin Bank, KB Securities, KB Insurance, KB Kookmin Card, KB Asset Management, KB Capital, KB Life Insurance, KB Savings Bank, KB Real Estate Trust, KB Investment, KB Credit Information, KB Data Systems.





# Mô hình tổ chức



# Chiến lược phát triển và Quản trị rủi ro

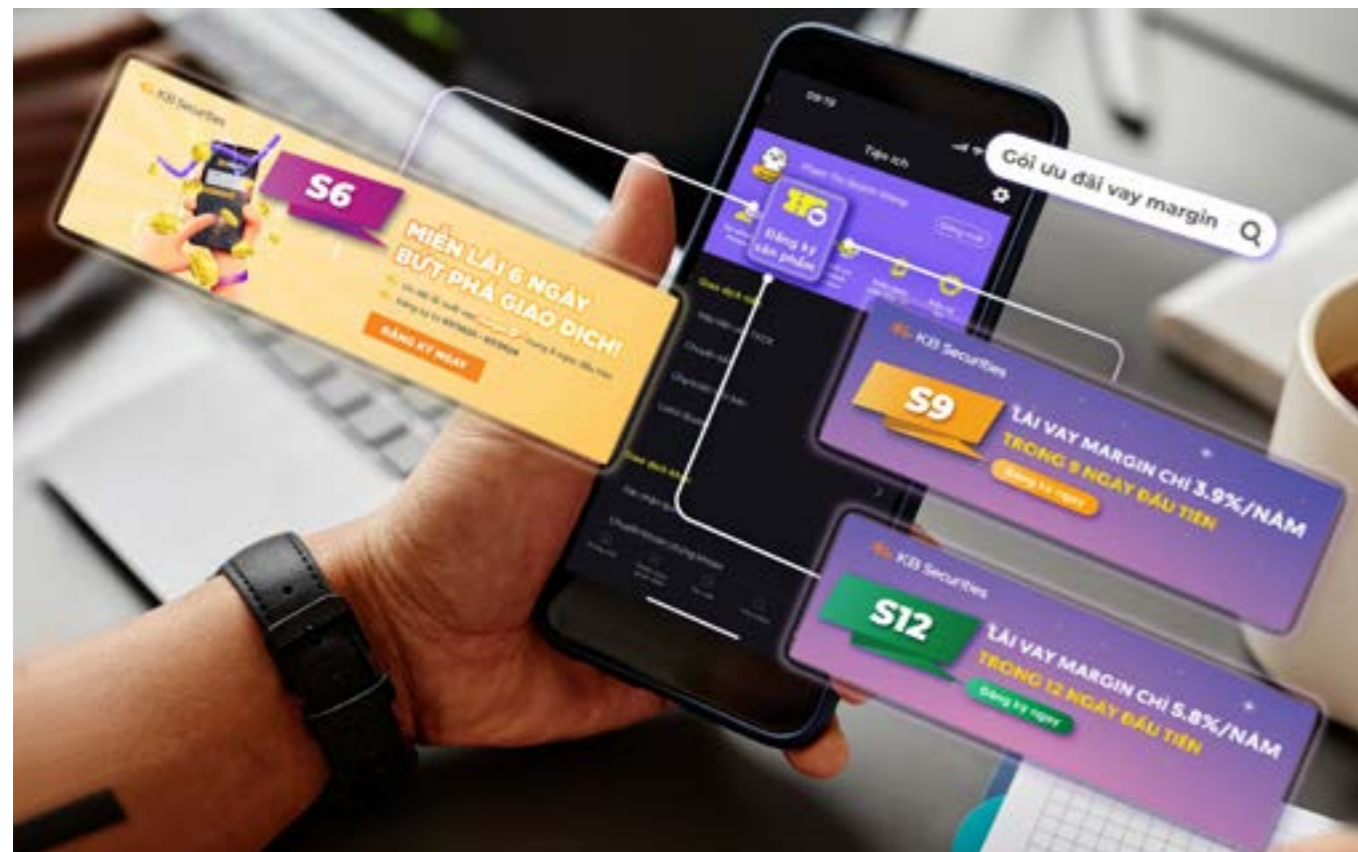
## Định hướng phát triển

Năm 2024, KBSV nỗ lực phát triển trở thành thương hiệu chứng khoán hàng đầu Việt Nam, giúp mang đến trải nghiệm vượt trội cho khách hàng bằng cách khai thác lợi thế cạnh tranh từ công nghệ, dịch vụ và nội dung kỹ thuật số.

Về đổi mới và cải tiến công nghệ, chúng tôi đang trong quá trình triển khai đồng thời nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng để đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hoạt động liên tục, ổn định và bảo mật. Đặc biệt, nhằm chuẩn bị cho hệ thống KRX sắp ra mắt, chúng tôi xây dựng hệ thống đặt lệnh có thông số kỹ thuật cao và thiết lập môi trường mạng ổn định để cung cấp trải nghiệm giao dịch tốt nhất cho khách hàng. Bằng cách tạo ra một môi trường giao dịch thông suốt và không trở ngại, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ chứng khoán an toàn và bảo mật mà khách hàng có thể tin tưởng giao dịch. Bên cạnh đó, KBSV chú trọng trong việc tăng cường nguồn nhân chất lượng cao để đảm bảo các chuyên gia tốt nhất sẵn lòng hỗ trợ tối đa cho khách hàng.

Về dịch vụ, KBSV sẽ tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng thông qua các dịch vụ kỹ thuật số đặc biệt. Chúng tôi hướng khách hàng đến một thế giới trải nghiệm đầu tư mới mẻ, thông qua kết nối với các nền tảng trực tuyến tốt nhất như ứng dụng giao dịch, SNS, dịch vụ tư vấn số hóa, cổng dữ liệu nghiên cứu, .... Trong hệ sinh thái đầu tư trực tuyến cung cấp đến khách hàng, chúng tôi luôn nỗ lực tăng cường và đa dạng hóa các dịch vụ theo nhu cầu của khách hàng, linh hoạt về thời gian và phương thức tiếp cận.

Về sáng tạo nội dung kỹ thuật số, KBSV định hướng trở thành kênh thông tin truyền thông về tri thức tài chính - đầu tư tiêu biểu tại Việt Nam. Tận dụng thế mạnh nền tảng là năng lực sản xuất nội dung và đội ngũ tư vấn xuất sắc dẫn đầu trong số các công ty chứng khoán, KBSV sẽ phát triển thư viện nội dung và kênh phát sóng chuyên nghiệp về tài chính, kinh tế và đầu tư dành cho người dân Việt Nam.



Kiên định với sứ mệnh là giải pháp tài chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc, chung tay tạo nên một cuộc sống hạnh phúc và thế giới tốt đẹp hơn, thông qua các hoạt động quản lý ESG, bao gồm các hoạt động đóng góp cho xã hội, KBSV hướng tới mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu về ESG, hoàn thành vai trò là đối tác tin cậy đồng hành cùng người dân Việt. Để hiện thực hóa mục tiêu này, KBSV chú trọng xây dựng tầm nhìn chiến lược và kế hoạch hành động đa dạng với nhiều hoạt động đóng góp xã hội khác nhau, cụ thể:

- Chúng tôi sẽ tạo ra nhiều nội dung giáo dục đa dạng, bao gồm các bài giảng miễn phí, trau dồi kiến thức kinh tế và tài chính cho giới trẻ.
- Chúng tôi tạo cơ hội để mỗi người dân Việt Nam được tiếp cận với những kiến thức làm giàu và cùng nỗ lực ứng phó với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế khác nhau.

Trong năm 2024, KBSV sẽ tiếp tục hiện thực hóa tầm nhìn với tư cách là công ty chứng khoán luôn đồng hành và phát triển cùng khách hàng, cũng như trở thành đối tác tài chính trọn đời của người dân Việt Nam.

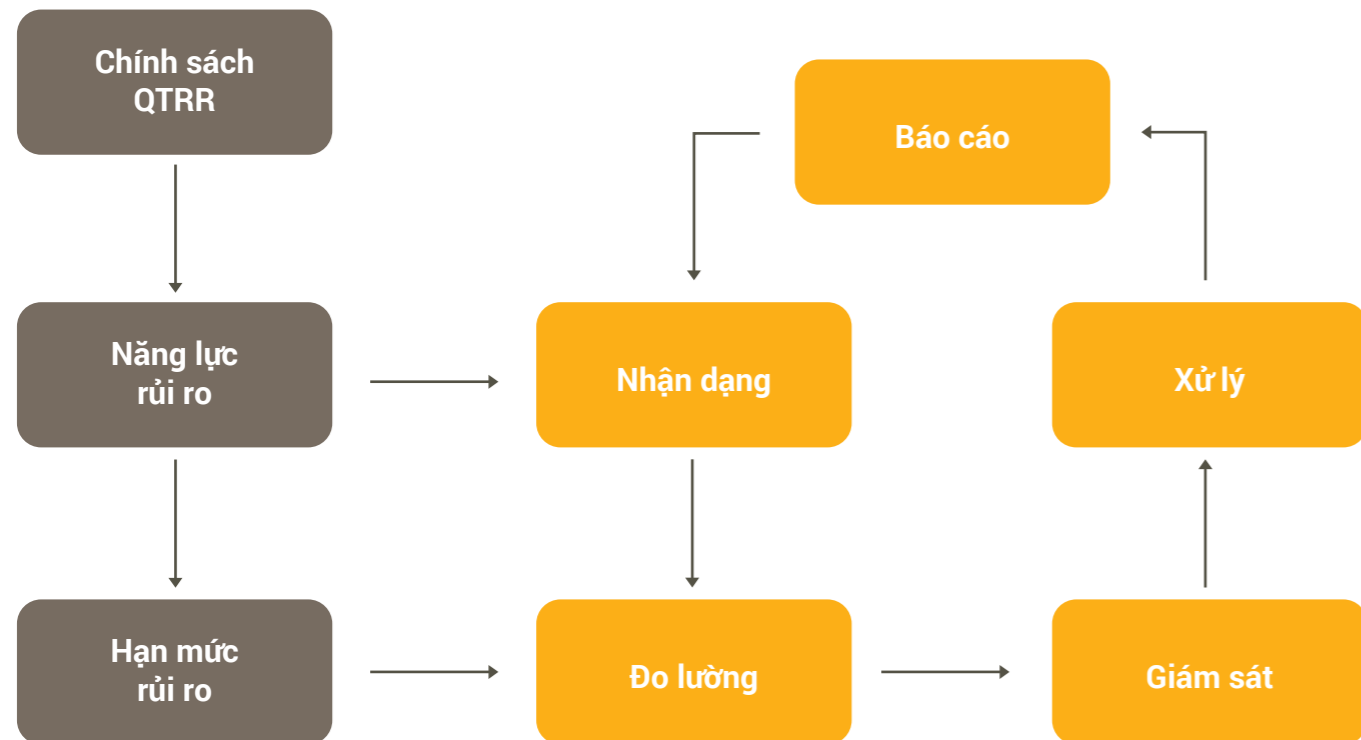




### Quản trị rủi ro

Trong năm 2023, hệ thống chính sách, quy trình về Quản trị rủi ro ("QTRR") của KBSV được liên tục đánh giá lại, hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro của KBSV được xây dựng theo quy trình:



Bên cạnh đó, hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát định kỳ thường xuyên từ các bộ phận Tuân thủ và Kiểm toán nội bộ.

Trong quá trình hoạt động, các loại rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh, tài chính, vận hành và danh tiếng của KBSV là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro thương hiệu.



### Rủi ro thị trường

Nhận diện: là rủi ro làm thay đổi giá trị các tài sản mà KBSV đang sở hữu (nắm giữ) theo chiều hướng bất lợi.

Quản trị: Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các đơn vị phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả. KBSV đẩy mạnh việc giám sát rủi ro thị trường thông qua các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.

### Rủi ro tín dụng

Nhận diện: là rủi ro xảy ra khi đối tác của KBSV không thể thanh toán đúng hạn, không có khả năng thanh toán đầy đủ (gốc, lãi) hoặc không chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, tài sản không thanh khoản.

Quản trị: KBSV thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy trình dịch vụ tài chính, rà soát danh mục cho vay thường xuyên, sử dụng các công cụ báo cáo giám sát tự động để kiểm soát chất lượng các khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng.

### Rủi ro thanh khoản

Nhận diện: là rủi ro xảy ra khi KBSV không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Rủi ro này xảy ra khi công ty không cân đối được dòng vốn đầu vào và dòng vốn đầu ra.

Quản trị: KBSV luôn chú trọng điều hành hoạt động nguồn vốn nhằm đảm bảo thanh khoản và hiệu quả về chi phí. KBSV tăng cường thiết lập quan hệ với các ngân hàng uy tín cũng như tăng vốn góp của chủ sở hữu từ công ty mẹ để đảm bảo nguồn vốn ổn định, và luôn dự phòng hạn mức giải ngân linh hoạt, kịp thời. Hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, giám sát hiệu quả sử dụng vốn được thiết lập để giám sát hằng ngày theo tần suất phù hợp, hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng, hạn chế rủi ro.

### Rủi ro pháp lý

Nhận diện: là rủi ro xảy ra khi không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lý do chủ quan hay khách quan dẫn đến KBSV bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho KBSV (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).

Quản trị: Công ty có phòng Pháp chế và phòng Tuân thủ. Phòng Pháp chế có trách nhiệm soạn thảo, soát xét hầu hết các thỏa thuận, hợp đồng, văn bản, giấy tờ của Công ty; cập nhật, phổ biến, đào tạo chính sách pháp luật cho toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Phòng Tuân thủ là đơn vị kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, các quy chế, quy trình nghiệp vụ của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán. Nhân sự của phòng Pháp chế và phòng Tuân thủ thường xuyên được tạo điều kiện học hỏi, tập huấn nâng cao kiến thức pháp lý, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, tăng cường hiệu quả hoạt động.

### **Rủi ro hoạt động**

Nhận diện: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Quản trị: Khối Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm theo dõi các hoạt động hằng ngày của các bộ phận khác trong công ty thông qua việc ban hành các Quy trình chi tiết cho từng nghiệp vụ, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy trình và thực hiện kiểm tra chi nhánh nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm.

### **Rủi ro công nghệ thông tin**

Nhận diện: là khả năng xảy ra tổn thất khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin. Rủi ro công nghệ thông tin liên quan đến quản lý, sử dụng phần cứng, phần mềm, truyền thông, giao diện hệ thống, vận hành và con người.

Quản trị: Công ty đã thực hiện đồng loạt các giải pháp đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, phát triển phần mềm và website hỗ trợ đầu tư hiện đại, có hệ thống giám sát và cảnh báo, xây dựng các hệ thống tường lửa ngăn chặn đột nhập từ bên ngoài, các lớp bảo mật để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị an ninh an toàn thông tin. Công ty không ngừng chú trọng tăng cường giải pháp công nghệ và tăng cường truyền thông tới nhân viên, khách hàng nhằm nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin, cảnh giác trước các thủ đoạn sử dụng công nghệ ngày càng tinh vi (Deepfake, giả mạo CTCK, ứng dụng giả mạo, giả danh cơ quan chức năng để đánh cắp thông tin...) để giả mạo, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực tài chính.

### **Rủi ro thương hiệu, danh tiếng**

Nhận diện: là rủi ro khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư hoặc công chúng có phản ứng tiêu cực về uy tín của Công ty, từ đó thay đổi nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ.

Quản trị: Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chuẩn hóa quy chế, quy trình, mẫu biểu cũng như chuẩn hóa sản phẩm và dịch vụ, tổ chức các hoạt động truyền thông để gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu, truyền thông nội bộ để tăng cường nhận thức cho nhân viên về giá trị thương hiệu, ý thức bảo vệ thương hiệu và bí mật kinh doanh.





# Danh hiệu và Giải thưởng

KBSV tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành chứng khoán với nhiều giải thưởng và danh hiệu lớn trong năm 2023

## Danh hiệu

- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2023 - Vinh danh bởi Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC)
- Top 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất sàn HNX của Quý 3 năm 2023

## Giải thưởng



**Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á**  
 Tổ chức trao giải: Enterprise Asia



**Top 100 Doanh nghiệp bền vững CSI**  
 Tổ chức trao giải: Liên đoàn Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI)



**KB Buddy - Top 10 sản phẩm - dịch vụ tin dùng Việt Nam nhóm ngành tài chính, ngân hàng, bảo hiểm năm 2023**  
 Tổ chức trao giải: Tạp chí Kinh tế Việt Nam



# Chương

# 02

## Kết quả hoạt động

- Kết quả kinh doanh ————— 28
- Tổ chức nhân sự ————— 30
- Tình hình tài chính ————— 40
- Cơ cấu cổ đông ————— 42





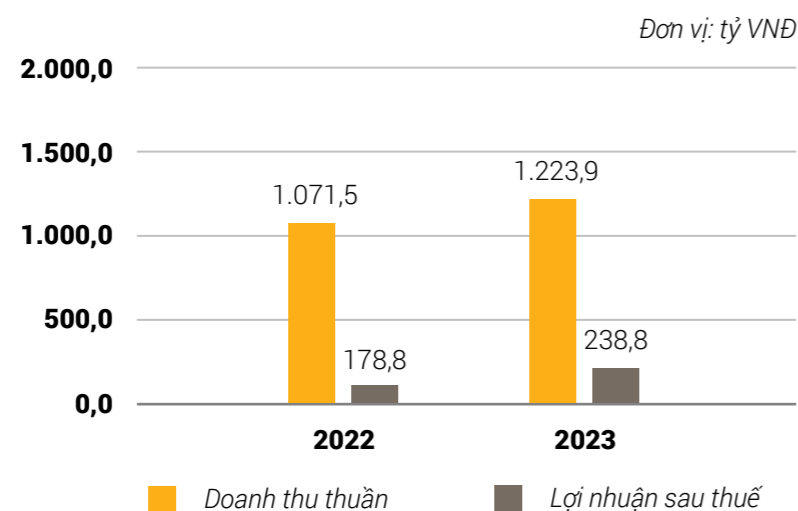
# Kết quả kinh doanh



Mặc dù khối lượng và giá trị giao dịch giảm so với năm 2022, nhưng thanh khoản tích cực, thị trường vẫn nhận được sự quan tâm của các tổ chức, quỹ đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư trong nước.

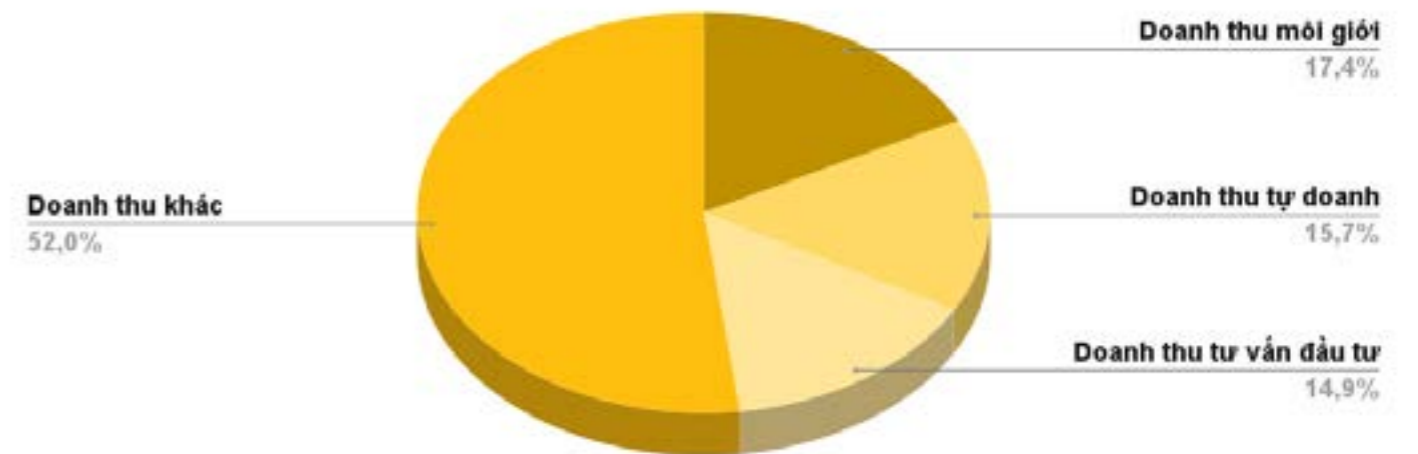
Kết thúc năm 2023, KBSV ghi nhận doanh thu thuần đạt 1.223,9 tỷ đồng và lợi nhuận ròng đạt 238,8 tỷ đồng, tăng lần lượt 1,14 lần và 1,34 lần so với cùng kỳ năm 2022, hoàn thành 48% kế hoạch năm. Thị trường chứng khoán nhìn chung diễn biến tích cực đến đầu tháng 9/2023, tuy nhiên sự điều chỉnh sau đó đã tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh cả năm của Công ty.

**Kết quả kinh doanh giai đoạn 2022 - 2023**



Phần lớn các bộ phận kinh doanh của Công ty đều có lãi và có những điểm sáng: Hoạt động kinh doanh nguồn có một năm hoạt động khởi sắc về quy mô tài sản, có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ, đã đóng góp hơn 35% (430 tỷ đồng) vào tổng doanh thu hoạt động của Công ty. Kinh doanh nguồn vốn tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong việc quản lý hiệu quả, linh hoạt dòng vốn của Công ty. Hoạt động môi giới của KBSV vẫn thành công trong việc mở rộng tập khách cá nhân và tổ chức, cả trong nước và nước ngoài. Trong năm 2023, hoạt động môi giới chứng khoán đạt doanh thu 250,3 tỷ đồng, lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt doanh thu 525,7 tỷ đồng.

**Cơ cấu doanh thu năm 2023**



Tính đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản của KBSV đạt 11.994,7 tỷ đồng - tăng 21% so với cùng kỳ, chủ yếu do tăng các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính có lãi suất cố định.

Cơ cấu tài sản được phân bổ hợp lý trong bối cảnh thị trường chứng khoán không thuận lợi cuối năm, cụ thể là các khoản cho vay chứng khoán được thu hẹp đáng kể.

Nợ vay tính đến cuối năm 2023 đạt mức 7.634,9 tỷ đồng - tăng 31% so với cùng kỳ và chiếm 97% tổng nợ phải trả của Công ty. Trong năm 2023, Công ty sử dụng nợ vay để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh nguồn, cho vay chứng khoán và các khoản nợ vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi.

KBSV vẫn đảm bảo các chỉ số hoạt động nằm trong ngưỡng an toàn: (i) Tổng nợ của Công ty gấp 1,9 lần so với Vốn chủ sở hữu, thấp hơn đáng kể so với ngưỡng tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần; (ii) Nợ ngắn hạn bằng 0,66 lần so với tài sản ngắn hạn, thấp hơn ngưỡng quy định Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.

# Tổ chức nhân sự

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông Park Chusoo

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Park Chunsoo hiện là Giám đốc điều hành của Công ty TNHH Chứng khoán KB Hàn Quốc. Ông Park tốt nghiệp ngành kinh tế, Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc năm 1995.

Ông Park đã gắn bó với tập đoàn tài chính KB qua nhiều năm với kinh nghiệm đa dạng ở nhiều vị trí tại Tập đoàn cũng như các đơn vị thành viên: Ngân hàng KB, Đầu tư & Chứng khoán KB.

Ông Park Chunsoo chính thức trở thành Chủ tịch Hội đồng quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 24/03/2018.



### Ông Jeon Mun Cheol

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Jeon Mun Cheol hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam. Ông tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Đại học Chung Ang, Hàn Quốc.

Sau khi tốt nghiệp năm 1992, ông bắt đầu làm việc cho Công ty Hyundai Securities tại Hàn Quốc. Đến năm 2005, ông giữ chức Giám đốc chi nhánh tại Công ty này. Từ 2017 đến tháng 3/2021, ông giữ chức vụ Giám đốc cấp cao - Phòng Kinh doanh Sản phẩm Tài chính của Công ty KB Securities Hàn Quốc.

Ông Jeon Mun Cheol chính thức trở thành Thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 23/04/2021.



### Ông Shin Jhintaek

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Shin Jhintaek hiện là thành viên Hội đồng quản trị Công ty Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV).

Tốt nghiệp Chuyên ngành Tài chính Kế toán tại Đại học Kyunghee, ông Shin đã có 16 năm kinh nghiệm ở vị trí lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn tài chính KB.

Ông Shin Jhintaek chính thức trở thành thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 16/04/2020.



### Ông Choi Yunsun

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Choi Yunsun tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị công - Đại học Kyunghee, Hàn Quốc.

Sau khi gia nhập Hyundai Securities, tiền thân của KB Securities, ông đã có 16 năm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán. Ông Choi đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, kế hoạch chiến lược và tài chính.

Ông Choi Yunsun chính thức trở thành Thành viên Hội đồng quản trị của CTCP Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 22/04/2022.



## BAN ĐIỀU HÀNH



### Ông Jeon Mun Cheol

*Tổng Giám Đốc*

Ông Jeon Mun Cheol tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Đại học Chung Ang.

Sau khi tốt nghiệp năm 1992, ông bắt đầu làm việc cho Công ty Hyundai Securities tại Hàn Quốc. Đến năm 2005, ông giữ chức Giám đốc chi nhánh tại Công ty này. Từ 2017 đến tháng 3/2021, ông giữ chức vụ Giám đốc cấp cao - Phòng Kinh doanh Sản phẩm Tài chính của Công ty KB Securities Hàn Quốc.

Ông Jeon Mun Cheol giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán KB Việt Nam từ ngày 06/03/2023.



### Ông Choi Yunsun

*Giám đốc tài chính*

Ông Choi Yunsun hiện là Giám đốc Tài chính Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV). Ông theo học chuyên ngành Quản trị công tại Đại học Kyunghee, Hàn Quốc.

Sau khi gia nhập Hyundai Securities, tiền thân của KB Securities, ông đã có 16 năm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán. Ông Choi đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, kế hoạch chiến lược và tài chính.

## CÁN BỘ CHỦ CHỐT



### Ông Vũ Tuấn Việt

*Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán Khu vực Miền Bắc*

Ông Vũ Tuấn Việt là một chuyên gia tài chính với trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán. Ông Việt tốt nghiệp Khoa Tài Chính Ngân Hàng, trường đại học Phương Đông, Hà Nội.

Trước khi gia nhập KBSV, Ông Việt từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Môi giới, Trưởng phòng Môi giới tại nhiều Công ty Chứng khoán như: Công ty CP Chứng khoán VSM, Công ty CP Chứng khoán phố Wall, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia (NSI).

Từ tháng 12/2015, ông Việt được bổ nhiệm làm Giám đốc Kinh doanh Chi nhánh Hà Nội - KBSV. Năm 2020, Ông Việt giữ chức vụ Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán Khu vực Miền Bắc của KBSV.



### Ông Phan Hoàng Sơn

*Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán Khu vực Miền Nam*

Ông Phan Hoàng Sơn là một chuyên gia tài chính với gần 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán. Ông Sơn gia nhập KBSV với vai trò là Trưởng Ban Đầu tư từ năm 2012.

Trước đó, Ông Sơn đã có 3 năm kinh nghiệm làm Giám đốc Đầu tư tại các Công ty chứng khoán như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội, Chứng khoán Hải Phòng. Từ tháng 03/2017, Ông Sơn được bổ nhiệm làm Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh của KBSV và trở thành Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn từ tháng 1/2019. Năm 2020, Ông Sơn đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán Khu vực Miền Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn - KBSV.

Ông Sơn tốt nghiệp khoa Kinh tế Đầu tư trường đại học Kinh tế Quốc dân và đã được UBCKNN cấp Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính.



### Bà **Đinh Thị Phương Thảo**

*Giám đốc Sở Giao dịch*

Bà Đinh Thị Phương Thảo gia nhập KBSV với chức danh Giám đốc Sở Giao dịch.

Trước khi gia nhập KBSV, bà Thảo đã có 11 năm kinh nghiệm làm Trưởng phòng Môi giới Công ty Chứng khoán Bản Việt.

Bà Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc dân và đã được UBCK Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính.



### Ông **Nguyễn Phồn Hậu**

*Giám đốc Sở Giao dịch 1*

Ông Nguyễn Phồn Hậu là một chuyên gia tài chính với trên 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Dịch vụ Chứng khoán.

Ông Hậu tốt nghiệp khoa Quản trị kinh doanh, trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Tháng 11/2020, Ông Hậu giữ vị trí Giám đốc Sở Giao dịch 1 của Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV).



### Ông **Trần Đức Anh**

*Giám đốc Kinh tế vĩ mô và Chiến lược thị trường*

Ông Trần Đức Anh gia nhập Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) từ năm 2018 với tư cách là Giám đốc Kinh tế vĩ mô và Chiến lược thị trường.

Ông Đức Anh có 5 năm kinh nghiệm trong thị trường chứng khoán tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt, đảm nhiệm vị trí nghiên cứu vĩ mô và chiến lược đầu tư. Trước đó, ông Đức Anh có 1 năm làm việc tại ban tài chính kế toán Công ty cổ phần AIC.

Ông Đức Anh tốt nghiệp bằng ưu ngành Tự Động Hóa, khoa Điện Đại Học Bách Khoa Hà Nội, tốt nghiệp bằng xuất sắc khóa Thạc sỹ Tài chính đầu tư tại Đại Học Exeter, Anh Quốc.



### Ông **Nguyễn Xuân Bình**

*Giám đốc Khối Phân tích*

Ông Nguyễn Xuân Bình là Thạc sỹ Tài chính – Đại học Deakin, Australia.

Trước khi gia nhập KBSV, ông Bình đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc tại CTCP Chứng khoán Bảo Việt, đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Khối Phân tích kiêm Trưởng bộ phận Kinh tế vĩ mô và Chiến lược đầu tư.

Ông cũng đồng thời là Trưởng dự án hợp lực nghiên cứu của Tập đoàn Bảo Việt về các lĩnh vực kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.



### Bà **Hà Thanh Hòa**

*Kế toán trưởng*

Bà Hà Thanh Hòa tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán - Đại học Mở, Hà Nội.

Trước khi gia nhập KBSV, bà đã có hơn 10 năm làm việc tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt. Bà Hà Thanh Hòa đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, thuế, kế toán.

Bà Hà Thanh Hòa được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam kể từ ngày 25/02/2021.



### TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

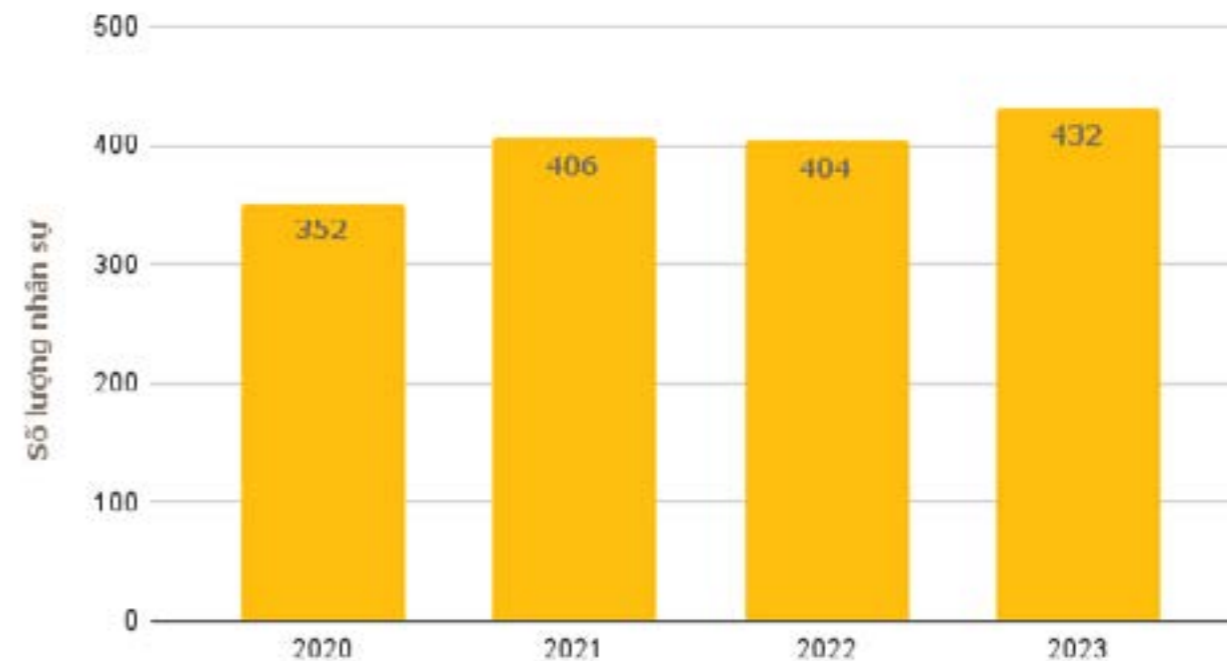
KBSV tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất và là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của doanh nghiệp, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

Tính tới năm 2023, số lượng nhân sự của KBSV là 432 người, tăng 6,93% so với năm 2022.

Trong đó, nhân sự nam chiếm 52%, nhân sự nữ chiếm 48%. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học trở lên chiếm 95%. Xét về độ tuổi lao động, lực lượng lao động của KBSV được phân chia cân bằng giữa nhân viên trẻ và nhân viên có kinh nghiệm, chiếm lần lượt là 71,7% và 28,3%.



Tăng trưởng nhân sự qua các năm



Cơ cấu nhân sự năm 2023

**Theo trình độ học vấn**

- Thạc sĩ 8,6%
- Đại học 86,5%
- Cao đẳng 1,2%
- Khác 3,7%

**Theo độ tuổi**

- Dưới 30 31,7%
- Từ 30 - 40 40%
- Từ 40 - 50 25,2%
- Trên 50 3,1%

**Theo giới tính**

- Nam 52%
- Nữ 48%



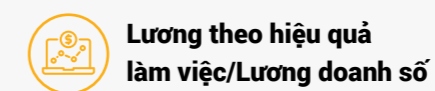
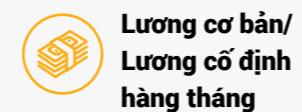


## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

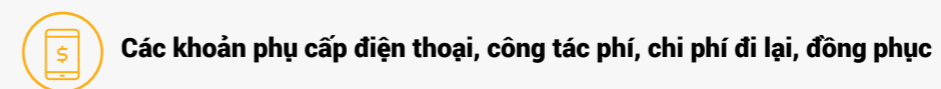
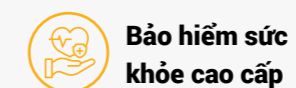
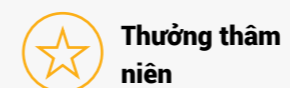
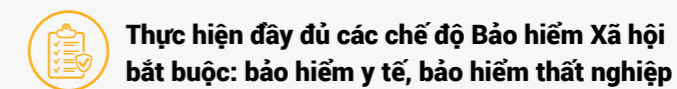
Trong năm 2023, KBSV không có sự thay đổi nào về Chính sách nhân sự.

Các chính sách tiền lương, bảo hiểm, thuế Thu nhập cá nhân (TNCN), khen thưởng, phúc lợi cho người lao động vẫn được KBSV duy trì và thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

### Tiền Lương



### Chế độ đãi ngộ khác





# Tình hình tài chính

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2022	2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	9.874.001.612.81	11.994.703.805.037	21.47%
Doanh thu thuần	1.071.589.914.997	1.223.902.120.179	14.2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	224.605.326.015	298.695.173.097	32.99%
Lợi nhuận khác	(296.026.865)	53.838.518	118.19%
Lợi nhuận trước thuế	224.309.299.150	298.749.011.615	33.18%
Lợi nhuận sau thuế	178.785.295.200	238.809.607.974	33.57%



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Chi tiết	2022	2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>	Hệ số thanh toán ngắn hạn	164%	152%
	Hệ số thanh toán nhanh	164%	152%
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	60,4%	65,5%
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	152,7%	189,5%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>	Vòng quay tổng tài sản	10,8%	10,2%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	16,68%	19,51%
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	5%	5,8%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	1,8%	2%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	33,3%	20,96%

# Cơ cấu cổ đông

## CỔ PHẦN

STT	Chỉ tiêu	2023
1	<b>Tổng số cổ phần đã phát hành</b>	300.168.613
	<b>Loại cổ phần đang lưu hành</b>	300.168.613
2	Cổ phần phổ thông	300.168.613
	Cổ phần ưu đãi	0
	<b>Số cổ phần đang lưu hành. Trong đó:</b>	300.168.613
3	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	300.168.613
	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời gian	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
11/06/2008	Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ đồng) tương đương 3.500.000 cổ phần
31/12/2010	Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng) tương đương 30.000.000 cổ phần
14/12/2018	Vốn điều lệ: 1.107.078.600.000 VNĐ (Một nghìn một trăm linh bảy tỷ, không trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) tương đương 110.707.860 cổ phần
21/02/2019	Vốn điều lệ: 1.675.020.900.000 VNĐ (Một nghìn sáu trăm bảy mươi lăm tỷ không trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) tương đương 167.502.090 cổ phần
30/12/2021	Vốn điều lệ: 3.001.686.130.000 VNĐ (Ba nghìn không trăm linh một tỷ, sáu trăm tám mươi sáu triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) tương đương 300.168.613 cổ phần

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ
Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết)	01	99,81%
Cổ đông nhỏ	24	0,19%
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>100%</b>
Cổ đông tổ chức	02	99,83%
Cổ đông cá nhân	23	0,17%
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>100%</b>
Cổ đông nhà nước	0	0%
Cổ đông khác	25	100%
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>100%</b>
Cổ đông trong nước	24	0,19%
Cổ đông nước ngoài	01	99,81%
<b>Tổng</b>	<b>25</b>	<b>100%</b>
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa		100%



Chương

# 03

## Báo cáo Môi trường và Trách nhiệm Xã hội

Mục tiêu ESG ————— 46

Các hoạt động ESG của KBSV năm 2023 và tác động  
của các hoạt động này tới Môi trường, Xã hội, Quản trị — 47

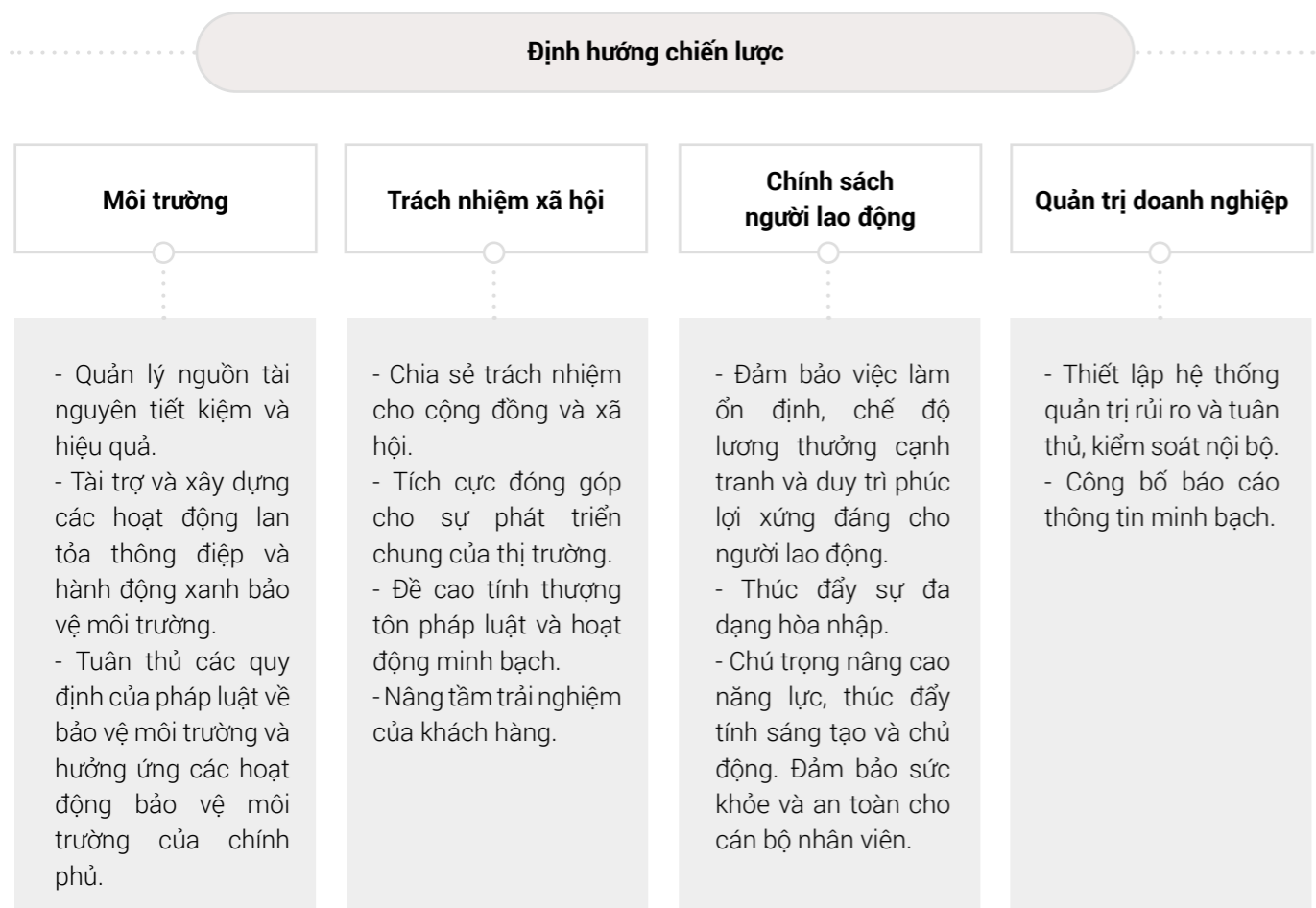


# Mục tiêu ESG

Được hậu thuẫn và phát triển bởi một trong những định chế tài chính triển khai chiến lược phát triển bền vững hàng đầu Hàn Quốc, ngay từ những ngày đầu bước chân vào thị trường Việt Nam, KBSV kiên định với sứ mệnh “Giải pháp tài chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc”. KBSV luôn luôn gắn mục tiêu kinh doanh song hành cùng mục tiêu phát triển bền vững trong mọi khía cạnh của doanh nghiệp giúp đem tới “cuộc sống hạnh phúc và tốt đẹp hơn dành cho mọi người”.

Năm 2023, tập trung vào việc tạo ra các giá trị bền vững và xây dựng uy tín với khách hàng thông qua các hoạt động ESG, KBSV đã đề ra chiến lược cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường.

<b>Sứ mệnh</b>	<b>Giải pháp tài chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc Chung tay tạo nên một cuộc sống hạnh phúc và thế giới tốt đẹp hơn</b>
<b>Mục tiêu chung và dài hạn</b>	<b>Dẫn đầu và gắn kết hoạt động phát triển bền vững song hành cùng sự phát triển của xã hội</b>



# Các hoạt động ESG của KBSV năm 2023 và Tác động của các hoạt động này tới Môi trường, Xã hội, Quản trị

Một trong các giá trị cốt lõi mà KBSV hướng tới là Đồng hành với Khách hàng và Đối tác vì một xã hội phát triển bền vững thông qua việc thiết lập hệ thống quản trị ESG vững chắc và triển khai mạnh mẽ các hoạt động ESG bao gồm các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội và quản trị tốt, với mong muốn lan tỏa các giá trị tốt đẹp tới cộng đồng, xã hội.

## MÔI TRƯỜNG

Vấn đề môi trường là yếu tố đầu tiên trong bộ tiêu chuẩn ESG cũng được KBSV đặc biệt chú trọng. Chứng khoán KB Việt Nam là doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính đặc thù, các hoạt động kinh doanh của KBSV không trực tiếp gây tác động lên môi trường, xã hội. Tuy nhiên, KBSV luôn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của toàn công ty.

Trong năm 2023, với nội bộ doanh nghiệp, Chứng khoán KB Việt Nam liên tục triển khai các sáng kiến thông qua các chương trình hành động, truyền thông nội bộ và cũng đã đạt những hiệu quả tích cực như:

### Tiết kiệm điện:

- Các thiết bị khi không sử dụng và trước khi ra về đều được tắt: bóng đèn, điều hòa, máy in, máy photocopy...
- Giảm độ sáng màn hình laptop ở mức 70% và cài chế độ “tiết kiệm điện”.
- Hạn chế tăng giảm nhiệt độ, đóng kín cửa khi sử dụng điều hòa.
- Tận dụng tối đa nguồn ánh sáng và gió từ tự nhiên v. v ...
- Ngoài ra, Công ty còn thực hiện dán nhãn nhắc nhở việc tắt các thiết bị điện khi không cần thiết ở tất cả các khu vực hoạt động của Trụ sở và các chi nhánh.
- Tất cả các công tắc điện tại Công ty được đính kèm sticker nhắc nhở việc tắt các thiết bị điện khi không sử dụng

### Tiết kiệm giấy:

- Kiểm tra kỹ càng tài liệu trước khi đặt lệnh in.
- Sử dụng tối ưu email nếu không bắt buộc phải in tài liệu.
- Thu thập và tái sử dụng giấy 1 mặt để tránh lãng phí.

Phân loại rác với hai loại rác: rác hữu cơ và rác vô cơ. Toàn bộ rác vô cơ sau khi được phân loại sẽ được chuyển tới các cơ sở cho mục đích tái chế định kỳ hàng tuần.





Trong dịp 08/03, Công ty đã dành tặng cho mỗi nhân viên nữ một bộ dụng cụ chăm sóc cây xanh để có thể duy trì thói quen chăm sóc cây cối tại nhà và bộ mỹ phẩm thuần chay góp phần hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển xanh cho xã hội.



Bên cạnh đó, đối với cộng đồng, ngày 7/9/2023, KBSV khởi động chiến dịch “Góp xanh Việt Nam”, chiến dịch thực hiện trồng rừng đầu nguồn tại Vườn quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa. Theo đó, để cùng “Góp xanh Việt Nam” mỗi người cần tham gia thử thách “Move for trees”, với mỗi hình ảnh/video về kết quả tập luyện thể dục, thể thao được đăng tải trên Facebook cá nhân ở chế độ công khai kèm hashtag “#ChungkhoanKBVietnam” “#GopxanhVietNam”, sẽ góp thêm 1 cây xanh vào chiến dịch. Sau gần 1 tháng phát động, “Góp xanh Việt Nam” đã thu hút được hàng trăm người tham gia, đóng góp thêm 2.000 cây xanh quý giá được trồng mới tại vườn quốc gia Bến En. Chiến dịch được thực hiện nhằm góp phần bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên cũng như lan tỏa thông điệp sống “xanh” đến đông đảo cộng đồng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam và các thế hệ tương lai thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội ý nghĩa.



Trong năm 2023, KBSV không ghi nhận bất cứ vi phạm và xử phạt nào về luật pháp và quy định bảo vệ môi trường.

## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

**Chúng khoán KB đã và đang dành nhiều nguồn lực và tâm huyết cho các hoạt động chia sẻ và đóng góp cho giáo dục và trẻ em, với định hướng nuôi dưỡng thế hệ tương lai và tạo ra các giá trị xã hội với sứ mệnh “Giải pháp tài chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc”.**

Là một hoạt động được triển khai từ năm 2009, Rainbow Class – Lớp học Cầu vồng là một dự án cải thiện điều kiện học tập, không gian vui chơi và môi trường sống cho trẻ em. Năm 2023, KBSV đầu tư gần 1.8 tỷ đồng để cải thiện cơ sở vật chất tại trường THPT Marie Curie, TP. Hải Phòng: cải thiện phòng máy tính, phòng ngoại ngữ, xây dựng thư viện ngoài trời với 1500 đầu sách, đào tạo nâng cao chất lượng dạy học từ đó nâng cao chất lượng học tập, giúp các em học sinh dễ dàng tiếp cận tri thức.



Bên cạnh đó, nhằm giúp sinh viên có thêm nhiều cơ hội nghiên cứu, học tập, KBSV đã ký thỏa thuận hợp tác với Đại học Quốc Gia Hà Nội với tổng giá trị tài trợ là 4,2 tỷ đồng trong vòng 4 năm cho quỹ phát triển Đại học Quốc Gia, bao gồm các gói học bổng hàng năm, tạo cơ hội cho sinh viên nghiên cứu, thực tập nâng cao kiến thức và chuyên môn thực hành. Vào ngày 10/5/2023, Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) đã tổ chức đợt trao học bổng đầu tiên “Ươm tạo nhà khoa học trẻ KBSV”, với 40 suất học bổng, mỗi suất trị giá 25 triệu, tổng giá trị học bổng 1 tỷ đồng cho các bạn sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện và đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội. Thông qua trao tặng học bổng, Chứng khoán KB Việt Nam khẳng định Công ty luôn đặt niềm tin vào thế hệ trẻ Việt Nam, thể hiện quan tâm và chú trọng đầu tư vào phát triển con người. KBSV luôn tự hào đồng hành cùng các bạn trẻ kiên trì vượt qua khó khăn, chấp cánh cho những ước mơ, hoài bão của những mầm xanh của đất nước.



Không chỉ đặc biệt quan tâm đến những tri thức trẻ đầy triển vọng, KBSV cũng dành sự ưu ái không nhỏ cho những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Sáng ngày 23/02/2023, tại Bệnh viện Nhi Trung ương, Ban lãnh đạo cùng nhân viên Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam đã có chuyến thiện nguyện nhằm hỗ trợ cho những bệnh nhi đang điều trị tại đây. KBSV đã trao tặng 17 phần quà hỗ trợ tài chính và 100 suất cơm với mong muốn lớn nhất là được tiếp thêm sức mạnh cho những chiến binh nhí trên cuộc hành trình chống lại bệnh tật, cũng như lan tỏa tình tương thân tương ái, chung tay sẻ chia và mang lại cơ hội bình đẳng cho các em nhỏ thiếu may mắn.

Với định hướng gắn chặt mục tiêu kinh doanh với phát triển bền vững, Công ty Chứng khoán KB Việt Nam sẽ luôn nỗ lực với cam kết đồng hành, từng bước đóng góp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam.

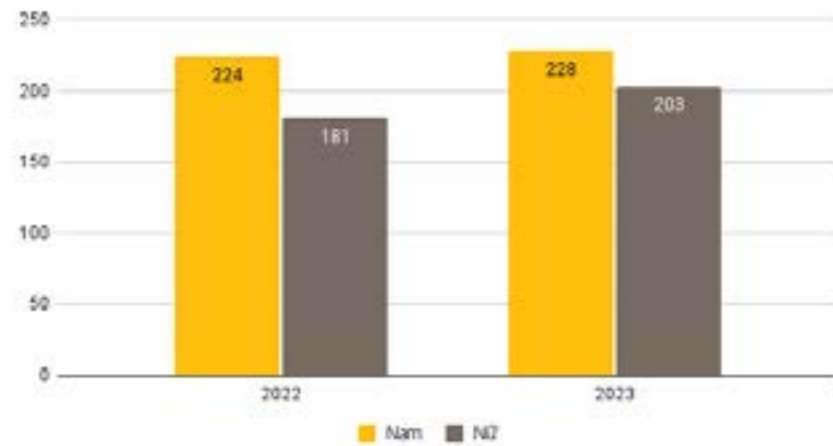


## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

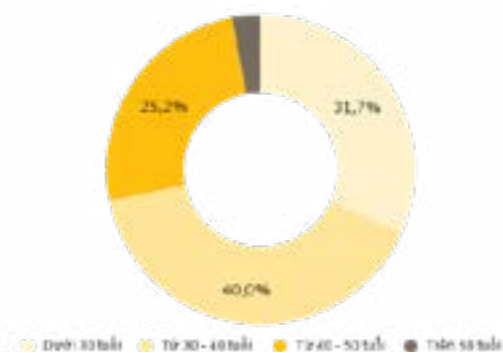
Xác định nhân sự là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược tăng trưởng bền vững, KBSV chú trọng trong công tác bồi dưỡng, phát triển và gắn kết đội ngũ nhân sự bằng các sáng kiến thiết thực và bắt kịp xu hướng của thị trường.

Trong năm 2023, số lượng nhân sự của KBSV là 432 người với mức thu nhập bình quân đầu người đạt 15,116,924 VNĐ tăng lần lượt 6,93% và 20,2% so với năm 2022. KBSV tin rằng cơ cấu nhân sự đa dạng là nền tảng và động lực của tư duy sáng tạo và thúc đẩy tinh thần đổi mới trong doanh nghiệp. Một trong những thước đo quan trọng phản ánh sự đa dạng của nguồn nhân lực KBSV là số lượng cán bộ nhân viên nữ ngày càng tăng, cụ thể từ 182 người trong năm 2022 tăng lên 204 người năm 2023 chiếm 48% trong cơ cấu nhân sự của KBSV. Bên cạnh đó, KBSV còn ghi nhận tính đa dạng trong cơ cấu nhân sự trên khía cạnh nhóm tuổi và trình độ, hướng đến mục tiêu xây dựng lực lượng lao động có kinh nghiệm và góc nhìn đa chiều – sẵn sàng đóng góp và triển khai những ý tưởng độc đáo, mới mẻ và sáng tạo.

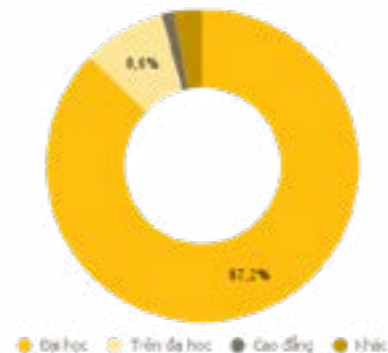
Cơ cấu nhân sự theo giới tính 2022 và 2023



Cơ cấu nhân sự theo nhóm tuổi



Cơ cấu nhân sự theo học vấn



Hiểu rõ thu hút và bồi dưỡng nhân tài là một trong những yếu tố cạnh tranh trên thị trường tài chính. KBSV xây dựng nhiều chính sách tuyển dụng và chương trình đào tạo phát triển đội ngũ giúp mọi cá nhân có cơ hội phát triển bản thân và chứng tỏ năng lực, vươn mình trở thành lực lượng kế cận xứng đáng của thế hệ đi trước, qua đó không chỉ đóng góp vào quá trình phát triển bền vững của Công ty mà còn đóng góp chung vào sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Một trong những hoạt động nổi bật là chính sách tuyển dụng hấp dẫn nhằm thu hút lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo. Trong đó, chương trình Thực tập sinh KBSV được thiết kế dành cho các sinh viên năm 3, năm 4 hoặc mới tốt nghiệp được học tập chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên môn và trải nghiệm công việc thực tế tại KBSV. Chương trình ra mắt lần đầu tiên năm 2019, đến nay đã thu hút sự quan tâm của các bạn trẻ theo đuổi lĩnh vực tài chính, chứng khoán ở trong nước. Hàng năm, chương trình thu hút một lượng lớn hồ sơ ứng tuyển, lựa chọn một số thực tập sinh chính thức. Trải qua thử thách 2-3 tháng học tập chuyên sâu, thử thách làm việc thực tế, đã có 20% thực tập sinh được ký hợp đồng lao động chính thức với KBSV.

Ngoài ra, với mục tiêu nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng dành cho mọi cán bộ nhân viên của KBSV gắn liền với chiến lược kinh doanh và tăng trưởng của doanh nghiệp, tính đến hết năm 2023, KBSV đã hỗ trợ cán bộ nhân viên tham gia 26 khóa học đào tạo chứng chỉ chứng khoán. Bên cạnh đó, các hoạt động đào tạo khác cũng được KBSV chú trọng và cá nhân hóa theo nhu cầu và lộ trình phát triển của cán bộ nhân viên.

KBSV xây dựng và thiết kế chính sách nhân sự cấp tiến, đảm bảo lợi ích cho cán bộ nhân viên và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về cơ chế lương và thưởng, KBSV thực hiện đánh giá, lượng hóa mức độ phức tạp của toàn bộ các vị trí chức danh công việc và xếp hạng tất cả các công việc, áp dụng hệ thống 3P làm cơ sở để xây dựng cơ chế trả lương công bằng, minh bạch, gắn với mức độ phức tạp công việc và kết quả thực hiện công việc của cá nhân. Bên cạnh lương, KBSV chú trọng thiết kế các chế độ phúc lợi, nhằm ghi nhận xứng đáng giá trị và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động. Các chế độ phúc lợi quan trọng được chia thành nhóm phúc lợi xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phúc lợi cho cá nhân và phúc lợi cho gia đình cán bộ nhân viên. Một số chính sách nổi bật:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho CBNV.
- Sử dụng Quỹ Phúc lợi để chi cho các trường hợp ốm đau, thăm hỏi, thai sản cho người lao động và người thân của người lao động.
- Chương trình bảo hiểm sức khỏe nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.
- Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe cho toàn bộ CBNV chính thức, được sử dụng trong việc thăm khám và điều trị bệnh.





Nhằm nâng cao chất lượng và điều kiện làm việc của cán bộ nhân viên, tháng 04 năm 2023, KBSV đã chuyển trụ sở văn phòng chính về tòa nhà Capital Place - 29 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội - tòa nhà đầu tiên đạt được chứng chỉ LEED Gold tại Hà Nội, bắt kịp xu hướng không gian làm việc xanh, thân thiện môi trường trên thế giới. Bên cạnh đó, quan tâm tới nhu cầu và sức khỏe tinh thần của cán bộ nhân viên, KBSV chủ trương đổi mới chính sách giờ làm việc, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên có 02 ngày làm việc linh hoạt trong tháng.



KBSV tự hào có được một môi trường làm việc trẻ trung, cởi mở, thân thiện, chuyên nghiệp hướng tới sự năng động và sáng tạo. Làm việc tại KBSV, CBNV sẽ không thấy khoảng cách giữa các cấp quản lý và các nhân viên. Không có cơ hội cho sự áp đặt, độc đoán tồn tại bởi mỗi cá nhân đều được nói lên suy nghĩ của mình và được lắng nghe, tôn trọng, thấu hiểu. Mọi nhân viên luôn được tạo điều kiện để tìm tòi, sáng tạo, nêu lên những đề xuất, tự do thể hiện năng lực của mình. Bên cạnh đó, rất nhiều hoạt động sáng tạo, gắn kết nhân viên được tổ chức và lan tỏa tới mọi cán bộ nhân viên như chương trình tri ân, vinh danh đội ngũ gắn bó lâu năm cùng công ty, chương trình tri ân nhân viên nữ 08.03, 20.10, chương trình góp xanh Việt Nam dành cho CBNV,...



## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Để đạt được sự liên tục và ổn định trong tăng trưởng kinh doanh, trước hết Chứng khoán KB Việt Nam đã thiết lập một khung quản lý rủi ro nghiêm ngặt. Bằng cách thực hiện các chiến lược giảm thiểu rủi ro này, KBSV có thể quản lý tốt hơn các mối đe dọa tiềm ẩn và duy trì sự ổn định cũng như tăng trưởng kinh doanh.

KBSV có Hội đồng Thực thi chính sách Quản trị rủi ro - Một bộ phận chuyên trách thuộc HĐQT thực hiện vai trò quản trị rủi ro của Công ty, bao gồm việc xây dựng, tư vấn các chính sách, chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động; giúp đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Bên cạnh đó là việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và yêu cầu tuân thủ để đảm bảo hoạt động công bằng, minh bạch của doanh nghiệp. KBSV thực hiện các chương trình tuân thủ hiệu quả và kiểm soát nội bộ, bao gồm giám sát và báo cáo các hoạt động đáng ngờ, duy trì quyền riêng tư dữ liệu của khách hàng và tuân thủ các quy định về chống rửa tiền.

Ngoài ra, Chứng khoán KB Việt Nam cũng có Ban kiểm toán Nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, độc lập hoàn toàn với Ban điều hành được thành lập từ tháng 11/2013 để đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ trong hoạt động của Công ty thông qua các hoạt động kiểm toán nội bộ. Từ đó góp phần quản lý tập trung, đảm bảo tính nhất quán trong công tác điều hành, sự đồng bộ từ định hướng chiến lược đến thực thi giải pháp, xây dựng bộ máy quản lý của doanh nghiệp.

KBSV luôn đề cao việc thực thi các quy tắc đạo đức và ứng xử trong quản trị doanh nghiệp. Việc xây dựng và thực thi quy tắc đạo đức và ứng xử là rất quan trọng để thúc đẩy tính chính trực và tác phong chuyên nghiệp, ổn định trong hoạt động kinh doanh chứng khoán. Chúng tôi có những chính sách chống xung đột lợi ích và hướng dẫn tương tác với khách hàng, nhân viên và các bên liên quan khác. Việc tuân thủ quy tắc luôn được theo dõi và thực thi một cách chặt chẽ.





Chương

# 04

## Báo cáo và đánh giá từ Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh ————— 56

Tình hình tài chính ————— 57

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý — 57

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm  
về môi trường và xã hội của công ty ————— 58





## Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Thị trường chứng khoán năm 2023 có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Thị trường hưng phấn, tăng mạnh sau động thái cắt giảm lãi suất liên tiếp của Ngân hàng Nhà nước và phản ứng tiêu cực khi có động thái hút tiền từ cơ quan này để ổn định tỷ giá. Hai tháng cuối năm, sau khi Ngân hàng Nhà nước ngừng hút tiền, thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định trở lại, diễn biến thị trường chứng khoán hồi phục nhẹ rồi đi ngang. Trong bối cảnh đó, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi của thị trường, KBSV vẫn có cố gắng giữ mức doanh thu ổn định và tăng trưởng tài sản bền vững.

- Hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt 430 tỷ đồng doanh thu.
- Hoạt động môi giới chứng khoán chịu tác động trực tiếp từ sự suy giảm của thị trường, chứng khoán... khoản doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán 250,3 tỷ đồng, tương ứng với hiệu suất môi giới giảm 18%.
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đạt kết quả ổn định khi ghi nhận doanh thu ròng 525,7 tỷ đồng.



## Tình hình tài chính



### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của công ty tính đến cuối năm 2023 là 11.994.703.805.037 VNĐ, tăng 21,47% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường năm 2023 thuận lợi, công ty mở rộng hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ. Cơ cấu tài sản không có nhiều sự thay đổi khi hoạt động đầu tư và cho vay giao dịch ký quỹ chiếm tỉ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty. Hiệu quả sử dụng tài sản của công ty tăng so với năm 2022 khi lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng 33,57%. Công ty luôn đảm bảo chất lượng tài sản, không phát sinh các khoản phải thu xấu, tài sản xấu trong kỳ.

### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả tính đến cuối năm 2023 là 7.851.499.600.145 VNĐ, tăng 31,6% chủ yếu do tăng các khoản nợ ngắn hạn do nhu cầu về vốn cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và hoạt động đầu tư của công ty. Trong năm 2023 công ty luôn trả tất cả các khoản vay gốc và lãi đúng cam kết với đối tác, không phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào trong kỳ. Các khoản vay ngoại tệ với các ngân hàng nước ngoài đều được phòng ngừa rủi ro tỷ giá, do đó tác động của việc chênh lệch tỷ giá lên kết quả kinh doanh là không đáng kể trong thời gian tới.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, công ty không có sự thay đổi đáng kể so với năm 2022.



# Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Hiểu rõ đặc thù ngành tài chính không gây tác động trực tiếp lên các vấn đề về môi trường, tuy nhiên trong năm 2023, công ty khuyến khích và phát động nhiều hoạt động nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường tới nội bộ doanh nghiệp và khách hàng như:

- Chiến dịch “Góp xanh Việt Nam” đóng góp 2000 cây xanh cho rừng quốc gia Bến En - Thanh Hóa.
- Quà tặng xanh: bộ dụng cụ chăm sóc cây cối tại nhà và mỹ phẩm thuần chay cho chị em phụ nữ nhân ngày mừng 08/03.
- Thiết lập góc phân loại rác hữu cơ, rác vô cơ tại các văn phòng và sở giao dịch chuyển tới các cơ sở tái chế định kỳ.
- Triển khai các bản tin truyền thông nội bộ cung cấp bí quyết tiết kiệm điện, nước, giấy cho các bộ nhân viên.
- Dán sticker tại tất cả hệ thống điện nhắc nhở việc tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với nỗ lực xây dựng môi trường làm việc trẻ trung, cởi mở, thân thiện, chuyên nghiệp khuyến khích khả năng sáng tạo và đóng góp ý kiến của mỗi cá nhân, trong năm 2023, KBSV đẩy mạnh nhiều hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân tài đồng thời xây dựng nhiều chương trình gắn kết nhân viên như:

- Hỗ trợ người lao động trong Công ty liên tục được tham gia các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề để đáp ứng yêu cầu về luật theo quy định.
- Thiết kế các chế độ phúc lợi, nhằm ghi nhận xứng đáng giá trị và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, đảm bảo chi trả thu nhập cho CBNV theo đúng quy định của pháp luật.
- Đa dạng hóa các hoạt động gắn kết và nâng cao nhận thức về văn hóa doanh nghiệp với sự tham gia của đông đảo cán bộ nhân viên: sự kiện tri ân 08/03, 20/10, sự kiện khai xuân, team building hoặc Chương trình tổng kết cuối năm

## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Cùng với những đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, KBSV luôn đề cao sứ mệnh sẻ chia, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng xã hội thông qua những hành động thiết thực, hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

Các hoạt động trách nhiệm xã hội của KBSV trong năm 2023 hướng đến thế hệ trẻ. Một trong số chương trình nổi bật được KBSV duy trì trong nhiều năm qua là chương trình “Rainbow Class - lớp học Cầu vồng” giúp cải thiện không gian điều kiện học tập, không gian vui chơi và môi trường sống cho trẻ em. Trong năm 2023, Công ty Chứng khoán KB đã hỗ trợ 1,8 tỷ đồng hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, thư viện ngoài trời cho trường THPT Marie Curie, thành phố Hải Phòng.



Bên cạnh đó, nằm trong dự án “Ươm tạo nhà khoa học trẻ KBSV” kéo dài 04 năm được ký kết cùng trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, KBSV đã tổ chức buổi trao học bổng đầu tiên cho 40 sinh viên xuất sắc trong công tác học tập, rèn luyện và đóng góp tích cực cho cộng đồng với tổng giá trị học bổng là 1 tỷ đồng.

Cũng trong năm 2023, KBSV triển khai chương trình thiện nguyện hỗ trợ 100 suất cơm và 17 phần quà hỗ trợ tài chính giúp bệnh nhi và người nhà bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung Ương.



Chương

# 05

## Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty — 62

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc — 63

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT — 63





## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Bước sang năm 2023, hoạt động kinh doanh của KBSV vẫn tăng trưởng ổn định bất chấp nhiều khó khăn thị trường đã xuất hiện gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Khách hàng và Công ty.

Đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm với sự kết hợp hài hòa của cả 2 yếu tố Việt Nam và Hàn Quốc đã giúp Công ty thực hiện tốt mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống, đảm bảo tăng trưởng về doanh thu và đạt lợi nhuận dương trong hoạt động kinh doanh. Từ đó, đưa KBSV lần đầu tiên lọt vào Top 100 doanh nghiệp bền vững thuộc Chương trình CSI 2023 nhờ đáp ứng đầy đủ Bộ Chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI năm 2023 với 130 chỉ tiêu trong 4 lĩnh vực: Chỉ số Kết quả phát triển bền vững; Chỉ số Quản trị; Chỉ số Môi trường và Chỉ số Lao động - Xã hội. Đồng thời KB Buddy là một trong những ứng dụng đầu tư chứng khoán ưu việt đã lọt Top 50 của giải thưởng “Dịch vụ Tin Dùng Việt Nam 2023” được trao bởi Tạp chí Kinh Tế Việt Nam.

Bên cạnh đó, với sự hoạt động năng nổ của Khối Truyền thông, KBSV đã tích cực tham gia nhiều chương trình, hoạt động thiện nguyện và đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.



## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của HĐQT và đảm bảo quản trị rủi ro hệ thống.

Ban Giám đốc thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường tới Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định.

Các sự kiện của Công ty đã được Ban Giám đốc thông tin đầy đủ đến khách hàng, đối tác, cổ đông của KBSV thông qua Website Công ty và nhiều phương tiện truyền thông khác.

Ban Giám đốc đã nỗ lực trong việc chuyển đổi số hóa và kết nối với khách hàng thông qua các nền tảng trực tuyến tốt nhất, từ đó đẩy mạnh quảng bá thương hiệu KBSV cũng như cung cấp các thông tin phân tích mới nhất cho Khách hàng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đúng, đảm bảo quyền lợi của người lao động, thực hiện các chế độ, chính sách theo các quy định của Pháp luật. Các chế độ về lương, thưởng, phụ cấp của người lao động luôn được chú trọng theo dõi, đánh giá và cập nhật.



## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2024, KBSV sẽ tập trung phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống đặt lệnh số hóa để cung cấp cho khách hàng trải nghiệm giao dịch tốt nhất. KBSV cũng sẽ nâng cao trình độ chuyên môn của môi giới ở các chi nhánh và kích hoạt giao dịch gián tiếp thông qua các dịch vụ trực tuyến mới.

Đồng thời tăng cường các nội dung truyền thông về thương hiệu KBSV, phát triển hệ thống kênh truyền thông của KBSV ở mức tối ưu nhất trên các nền tảng mạng xã hội, giúp mang hình ảnh của công ty đến gần hơn với người dân Việt Nam.

HĐQT cũng sẽ lắng nghe ý kiến của của BGD để cập nhật những chính sách phúc lợi mới nhất, nâng cao đời sống cũng như tạo ra môi trường làm việc thuận lợi nhất cho toàn thể nhân viên KBSV.



Chương

# 06

## Quản trị công ty

Hội đồng quản trị	66
Ban kiểm soát	70
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	71



# Hội đồng Quản trị

Ngày 21/04/2023, Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (KBSV) đã tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên (ĐHCĐ) năm 2023 tại Trụ sở chính – Hà Nội. Trong nhiệm kỳ 2023 - 2024, Đại Hội Cổ Đông KBSV chính thức thông qua phương án nhân sự với 04 thành viên Hội Đồng Quản Trị và 03 thành viên Ban Kiểm Soát.



## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của KBSV bao gồm 04 thành viên. Cơ cấu thành viên HĐQT của KBSV được duy trì đảm bảo sự cân đối và khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên có kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, pháp luật, vận hành, kinh doanh... Dưới đây là danh sách chi tiết thành viên HĐQT của KBSV.

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Park Chunsoo	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Jeon Mun Cheol	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	0	0%
3	Ông Shin Jhintae	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Ông Choi Yunsun	Thành viên HĐQT, Giám đốc tài chính	0	0%

## VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

HĐQT luôn bám sát các hoạt động kinh doanh đồng thời trực tiếp đề ra các chủ trương, nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của công ty:

- Triển khai các công việc liên quan đến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam các hoạt động của Công ty theo quy định.
- Trong quan hệ với cổ đông: HĐQT luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua Website Công ty, công bố thông tin ... Trong đó có các sự kiện tiêu biểu như Báo cáo tài chính, quản trị Công ty, bổ nhiệm nhân sự Ban lãnh đạo.
- Chỉ đạo giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện chế độ, chính sách, các quy định của nhà nước đối với người lao động để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của CBNV và các chế độ tăng lương, phụ cấp cho người lao động. Thực hiện tốt các nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT, BHTN, tổ chức thăm hỏi ốm đau.
- Trong công tác phối hợp với Ban Kiểm soát, các Tờ trình, Nghị quyết của HĐQT đều được gửi tới Ban Kiểm soát để tạo thuận lợi cho công việc của thành viên Ban Kiểm soát. Các công việc mang tính chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Kiểm soát, Ban điều hành và Công ty kiểm toán cũng được HĐQT tạo điều kiện và chỉ đạo Ban điều hành cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cho Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán ...



## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Bên cạnh việc giám sát hoạt động của Ban điều hành, HĐQT đã hoạt động tích cực trong khuôn khổ hoạt động của mình:

- Hội đồng quản trị đã hoàn thiện việc rà soát và cập nhật các quy chế phù hợp với tình hình thực tế tạo khuôn khổ rõ ràng cho các hoạt động hiện tại của KBSV.
- Hội đồng quản trị đã liên tục tổ chức các phiên họp để đưa ra những quyết định kịp thời cho việc hoạt động kinh doanh theo ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc để từ đó đưa ra những ý kiến chỉ đạo hợp lý.

Trong năm 2023, HĐQT đã họp tổng cộng 31 lần.





# Ban Kiểm soát

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát của KBSV đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện về thành viên Ban Kiểm soát và sự cân đối giữa các thành viên có kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật,... cũng như các quy định về mức độ độc lập của thành viên Ban Kiểm soát. Dưới đây là danh sách chi tiết thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Nguyễn Mai Hương	Trưởng Ban Kiểm soát	0%
2	Dư Thị Linh Chi	Thành viên	0%
3	Nguyễn Thái Sơn	Thành viên	0%

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2023 Ban Kiểm soát đã tiến hành họp để bàn bạc phân công các công việc cho các thành viên, tham gia cùng ban kênh đạo rà soát, góp ý các quy chế quản lý nội bộ để ban hành các quyết định, quy chế phù hợp với tình hình của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với các bộ phận trong các hoạt động kiểm tra, giám sát quy định, tham gia các cuộc họp với Ban giám đốc và các phòng ban của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban lãnh đạo về kế hoạch làm việc, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát trong năm.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp với nội dung cụ thể như sau:

STT	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	21/04/2023	Bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty CP Chứng khoán KB Việt Nam nhiệm kỳ 2023-2024.	100%
2	12/07/2023	Tổng kết các hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng đầu năm 2023.	100%
3	29/12/2023	Tổng kết các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023	100%

# Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

## LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	BAN	TỔNG THU NHẬP/THÙ LAO 2023 (Đơn vị: VNĐ)
1	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3.835.574.639
2	BAN KIỂM SOÁT	120.000.000

## ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- HĐQT đã tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT KBSV.
- HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo các hoạt động của KBSV được tiến hành đúng với quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của công ty và các quy định pháp luật hiện hành.
- HĐQT chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của KBSV.

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật, quy định của KBSV, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023. Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công.





Chương

# 07

## Báo cáo tài chính

Hợp đồng kiểm toán ..... 75

Ý kiến kiểm toán ..... 75

Nội dung Báo cáo tài chính ..... 76





## Hợp đồng kiểm toán

HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT chọn Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2023, đồng thời chọn Chi nhánh Công ty TNHH thuế và tư vấn PwC (Việt Nam) tại Hà Nội là đơn vị thực hiện báo cáo giao dịch chuyển giá. Trong năm 2023, Công ty không phát sinh chi phí dịch vụ phi kiểm toán, tổng phí kiểm toán và tư vấn thuế giao dịch chuyển giá là 919.000.000 VNĐ.

## Ý kiến kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính năm 2023 của KBSV. Kết quả kiểm toán cho thấy, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



# Nội dung

## báo cáo tài chính

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

#### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động</b>	Số 77/UBCK-GPHĐKD đề ngày 11 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 34/GPĐC-UBCK được cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Park Chunsoo Ông Shin JhintaeK Ông Jeon Mun Cheol Ông Choi Yunsun	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Mai Hương Bà Nguyễn Thị Phương Anh Bà Dư Thị Linh Chi Bà Mai Thị Hà Ông Nguyễn Thái Sơn Bà Hoàng Ngọc Ánh	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 21 tháng 4 năm 2023) Trưởng Ban Kiểm soát (cho đến ngày 21 tháng 4 năm 2023) Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 21 tháng 4 năm 2023) Thành viên Ban Kiểm soát (cho đến ngày 21 tháng 4 năm 2023) Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 28 tháng 2 năm 2023) Thành viên Ban Kiểm soát (cho đến ngày 28 tháng 2 năm 2023)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Jeon Mun Cheol Ông Choi Yunsun	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 3 năm 2023) Quyền Tổng Giám đốc (cho đến ngày 6 tháng 3 năm 2023) Giám đốc Tài chính
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Park Chunsoo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
<b>Trụ sở chính</b>	Tầng G, Tầng M, Tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam (đến ngày 8 tháng 5 năm 2023)  Tầng 16 và 17, Tháp 02 Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam (từ ngày 8 tháng 5 năm 2023)	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội	

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

#### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 81A/2023/UQ-KBSV đề ngày 11 tháng 7 năm 2023.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 71. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Jeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Tổng Giám đốc của Công ty (theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật của Công ty) phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 71.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do một công ty kiểm toán khác kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 29 tháng 3 năm 2023.

### Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0298-2023-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Thái Sơn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3665  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>11.900.720.736.218</b>	<b>9.787.250.759.663</b>
<b>110</b>	<b>Tài sản tài chính</b>		<b>11.874.514.022.193</b>	<b>9.777.192.297.273</b>
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	117.263.682.707	301.883.794.321
111.1	Tiền		117.263.682.707	101.883.794.321
111.2	Các khoản tương đương tiền		-	200.000.000.000
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	3.464.238.077.339	2.861.104.368.492
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	3.3	3.229.331.506.849	1.216.197.000.000
114	Các khoản cho vay	3.4(a)	5.010.753.805.699	5.415.334.608.285
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	3.5	897.376.000	897.376.000
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.4(b)	(112.877.066.920)	(107.873.460.788)
117	Các khoản phải thu	3.6(a)	149.879.428.186	75.207.007.028
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		102.881.640	-
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		149.776.546.546	75.207.007.028
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		149.776.546.546	75.207.007.028
118	Trả trước cho người bán		2.776.758.000	2.873.785.115
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		-	3.000.000
122	Các khoản phải thu khác	3.6(b)	12.250.454.333	11.564.818.820
<b>130</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>26.206.714.025</b>	<b>10.058.462.390</b>
131	Tạm ứng		427.000.000	-
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		52.887.000	52.887.000
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	15.011.428.920	3.847.636.135
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.8	10.715.398.105	6.157.939.255
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>93.983.068.819</b>	<b>86.750.853.168</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>33.189.828.700</b>	<b>30.640.148.864</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	3.9(a)	13.687.931.587	8.054.851.892
222	Nguyên giá		44.390.132.203	37.033.242.113
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(30.702.200.616)	(28.978.390.221)
227	Tài sản cố định vô hình	3.9(b)	19.501.897.113	22.585.296.972
228	Nguyên giá		51.607.656.358	45.148.545.248
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.105.759.245)	(22.563.248.276)
<b>250</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>60.793.240.119</b>	<b>56.110.704.304</b>
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		15.000.000	15.000.000
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	17.924.655.550	6.709.912.707
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.10	11.776.806.472	18.462.335.348
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.11	20.990.235.940	20.857.019.789
255	Tài sản dài hạn khác	3.12	10.086.542.157	10.066.436.460
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>11.994.703.805.037</b>	<b>9.874.001.612.831</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.851.499.600.145</b>	<b>5.966.031.310.009</b>
<b>310</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>7.851.499.600.145</b>	<b>5.966.030.751.732</b>
311	Vay		7.634.915.000.000	5.813.410.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.13	7.634.915.000.000	5.813.410.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.14	4.657.928.984	4.872.676.723
320	Phải trả người bán ngắn hạn		895.141.559	3.053.702.918
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.15	20.351.657.935	46.683.276.763
323	Phải trả người lao động		1.592.904.997	1.881.355.464
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.626.600	-
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.16	88.251.036.028	81.010.254.549
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.17	99.529.783.384	13.098.208.086
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.18	1.303.520.658	2.021.277.229
<b>340</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>558.277</b>
356	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	558.277
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.143.204.204.892</b>	<b>3.907.970.302.822</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.143.204.204.892</b>	<b>3.907.970.302.822</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.001.686.130.000	3.001.686.130.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.19	3.001.686.130.000	3.001.686.130.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.001.686.130.000	3.001.686.130.000
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.1	30.307.448.921	30.307.448.921
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5.1	45.177.869.447	45.177.869.447
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	1.066.032.756.524	830.798.854.454
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		986.878.592.939	762.084.785.098
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		79.154.163.585	68.714.069.356
<b>440</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.994.703.805.037</b>	<b>9.874.001.612.831</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>A TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
<b>Theo giá trị (VND)</b>				
004	Nợ khó đòi đã xử lý		16.119.641.463	16.119.641.463
<b>Theo nguyên tệ</b>				
005	Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ		72	107
<b>Theo số lượng</b>				
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		300.168.613	300.168.613
<b>Theo mệnh giá (VND)</b>				
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của công ty chứng khoán		70.640.000	13.230.000
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		15.120.000	13.230.000
	Tài sản tài chính giao dịch chờ thanh toán		55.520.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		3.340.342.470.000	2.900.336.000.000
	Cổ phiếu không niêm yết		342.470.000	336.000.000
	Chứng chỉ tiền gửi		3.340.000.000.000	2.900.000.000.000
<b>B TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Theo mệnh giá (VND)</b>				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		17.305.126.930.000	15.888.571.990.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		15.669.431.390.000	13.846.479.930.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		40.464.600.000	12.134.060.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.060.943.380.000	1.264.357.670.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		236.484.920.000	497.795.490.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		297.802.640.000	267.804.840.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		313.440.880.000	242.960.530.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		246.764.250.000	120.532.530.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		66.676.630.000	122.428.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B01 – CTCK

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>B TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)</b>				
<b>Theo giá trị (VND)</b>				
026	Tiền gửi của khách hàng		1.226.918.868.723	1.276.028.109.948
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.203.682.540.149	1.227.557.569.727
	Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước		1.188.057.262.443	1.106.523.906.804
	Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài		15.625.277.706	121.033.662.923
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		23.236.328.574	39.093.903.221
	Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước		23.236.328.574	39.093.903.221
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	9.376.637.000
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài		-	9.376.637.000
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.223.847.312.723	1.276.163.413.842
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.208.222.035.017	1.155.129.750.919
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		15.625.277.706	121.033.662.923
032	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.071.556.000	640.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	620.000


Hà Thanh Hòa  
Người lập/Kế toán trưởng

Choi Yunsun  
Giám đốc Tài chínhJeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B02 – CTCK

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		225.516.316.156	152.174.445.748
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1(a)	54.422.963.807	49.853.407.693
01.2	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	10.438.668.093	19.169.164.475
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	4.3	160.654.684.256	83.151.873.580
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	4.4	204.820.066.657	68.032.098.870
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	4.5	525.724.692.047	524.608.602.881
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		250.325.742.094	303.999.618.853
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	2.994.187.800
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		6.821.965.055	5.347.377.567
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		213.818.182	3.612.787.800
11	Thu nhập hoạt động khác		2.614.205.764	3.117.640.939
20	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>1.216.036.805.955</b>	<b>1.063.886.760.458</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(7.645.617.532)	(24.978.774.733)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	4.1(b)	(7.647.043.668)	(24.994.132.124)
21.2	Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	4.2	1.426.136	15.357.391
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	4.6	(5.003.606.132)	(107.322.495.131)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.7	(272.588.854.086)	(314.049.509.811)
28	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	(3.665.314.917)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(6.084.714.612)	(7.513.838.625)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(6.689.912.691)	(4.422.569.959)
40	<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(298.012.705.053)</b>	<b>(461.952.503.176)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B02 – CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 4.11 và Thuyết minh 10)
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		2.616.677.026	2.414.598.517
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		5.248.637.198	5.288.556.022
50	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>7.865.314.224</b>	<b>7.703.154.539</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(113.074)	(356.461)
52	Chi phí lãi vay		(506.611.579.194)	(310.894.700.291)
55	Chi phí tài chính khác		(1.608.255.661)	(4.626.669.596)
60	<b>TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	4.8	<b>(508.219.947.929)</b>	<b>(315.521.726.348)</b>
62	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	4.9	<b>(118.974.294.100)</b>	<b>(69.510.359.458)</b>
70	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>298.695.173.097</b>	<b>224.605.326.015</b>
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
71	Thu nhập khác		53.838.518	278.973.135
72	Chi phí khác		-	(575.000.000)
80	<b>TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>		<b>53.838.518</b>	<b>(296.026.865)</b>
90	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>298.749.011.615</b>	<b>224.309.299.150</b>
91	Lợi nhuận đã thực hiện		288.308.917.386	205.124.777.284
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		10.440.094.229	19.184.521.866
100	<b>CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<b>(59.939.403.641)</b>	<b>(45.524.003.950)</b>
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.10	(53.253.874.765)	(64.018.383.714)
100.2	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	4.10	(6.685.528.876)	18.494.379.764
200	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>238.809.607.974</b>	<b>178.785.295.200</b>
500	<b>THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	4.11	796	584
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	4.11	796	584

Hà Thanh Hòa  
Người lập/Kế toán trưởng

Choi Yunsun  
Giám đốc Tài chính

Jeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024





## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B03 – CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND <i>(Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)</i>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN		298.749.011.615	224.309.299.150
02	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>367.895.566.570</b>	<b>346.335.130.141</b>
03	Khấu hao tài sản cố định	3.9	11.306.200.384	8.613.149.501
04	Các khoản dự phòng		5.003.606.132	107.322.495.131
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(77.099)	348.268
06	Chi phí lãi vay		506.611.579.194	310.894.700.291
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.248.637.198)	(5.288.556.022)
08	Dự thu tiền lãi		(149.776.546.546)	(75.207.007.028)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(558.277)	-
10	<b>Biến động các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>(1.429.210)</b>	<b>(15.713.852)</b>
11	Giảm chênh lệch giám về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(1.426.136)	(15.357.391)
17	Lỗ khác		(3.074)	(356.461)
18	<b>Biến động các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(10.438.587.920)</b>	<b>(19.169.156.282)</b>
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(10.438.668.093)	(19.169.164.475)
21	Lãi khác		80.173	8.193
30	<b>Tổng thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(2.648.473.792.469)</b>	<b>(1.624.517.110.497)</b>
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(592.693.614.618)	(651.484.069.541)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(2.013.134.506.849)	(412.124.000.000)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		404.580.802.586	(314.157.966.457)
35	Tăng phải thu bán các tài sản tài chính		(102.881.640)	-
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		80.435.538.529	70.400.027.844
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		3.000.000	198.000.000
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(588.608.398)	6.847.356.176
40	Tăng các tài sản khác		(427.000.000)	(32.887.000)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		3.733.054.275	(5.375.534.716)
42	Tăng chi phí trả trước		(22.378.535.628)	(614.504.502)
43	Thuế TNDN đã nộp		(75.518.383.714)	(48.917.853.309)
44	Lãi vay đã trả		(503.103.851.990)	(255.843.959.117)
45	Giảm phải trả cho người bán		(2.158.561.359)	(464.473.235)
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.626.600	(1.890.087.494)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(4.067.109.879)	(7.672.245.767)
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(288.450.467)	80.910.728
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		86.216.827.559	3.331.034.381
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		391.783.849	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.375.921.325)	(6.796.858.488)
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.992.269.231.414)</b>	<b>(1.073.057.551.340)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B03 – CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13.855.880.200)	(22.141.556.333)
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(13.855.880.200)</b>	<b>(22.141.556.333)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
73	Tiền vay gốc		31.487.612.611.551	17.277.807.612.952
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(29.666.107.611.551)	(16.449.825.228.531)
80	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.821.505.000.000</b>	<b>827.982.384.421</b>
90	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(184.620.111.614)</b>	<b>(267.216.723.252)</b>
101	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	3.1	<b>301.883.794.321</b>	<b>569.100.517.573</b>
101.1	Tiền		101.883.794.321	39.100.517.573
101.2	Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	530.000.000.000
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
103	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	3.1	<b>117.263.682.707</b>	<b>301.883.794.321</b>
103.1	Tiền		117.263.605.608	101.883.794.321
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	200.000.000.000
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		77.099	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B03 – CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MỖI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động mỗi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	Tiền thu bán chứng khoán mỗi giới cho khách hàng	85.960.017.527.366	101.661.886.608.364
02	Tiền chi mua chứng khoán mỗi giới cho khách hàng	(106.940.630.046.383)	(133.012.835.803.570)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	21.882.863.663.376	32.013.651.028.561
07.1	Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại VSD	(15.857.574.647)	(68.621.601.512)
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(935.502.810.937)	(1.114.372.396.748)
20	<b>Giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>(49.109.241.225)</b>	<b>(520.292.164.905)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>			
30	Tiền gửi ngân hàng	1.276.028.109.948	1.796.320.274.853
31	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.276.028.109.948	1.796.320.274.853
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.266.651.472.948	1.618.657.618.974
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	39.093.903.221	107.715.504.733
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.376.637.000	177.662.655.879
40	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>1.226.918.868.723</b>	<b>1.276.028.109.948</b>
41	Tiền gửi ngân hàng	1.226.918.868.723	1.276.028.109.948
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.226.918.868.723	1.266.651.472.948
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	23.236.328.574	39.093.903.221
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	9.376.637.000

  
Hà Thanh Hòa  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Choi Yunsun  
Giám đốc Tài chính


  
Jeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM  
BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 – CTCK

Chi tiêu	Tại ngày 01/01/2022		Tại ngày 31/01/2023		Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 31/12/2023	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.001.686.130.000	3.001.686.130.000	3.001.686.130.000	3.001.686.130.000	-	-	3.001.686.130.000	3.001.686.130.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18.275.822.797	30.307.448.921	18.275.822.797	30.307.448.921	-	-	30.307.448.921	30.307.448.921
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	33.146.243.323	45.177.869.447	33.146.243.323	45.177.869.447	-	-	45.177.869.447	45.177.869.447
8. Lợi nhuận chưa phân phối	680.889.461.952	830.798.854.454	680.889.461.952	830.798.854.454	238.809.607.974	(3.575.705.904)	830.798.854.454	1.096.032.756.524
8.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 10)	631.359.914.462	762.084.785.098	631.359.914.462	762.084.785.098	228.369.513.745	(3.575.705.904)	762.084.785.098	986.878.592.939
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 10)	49.529.547.490	68.714.069.356	49.529.547.490	68.714.069.356	10.440.094.229	-	68.714.069.356	79.154.163.585
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.733.997.668.072</b>	<b>3.907.970.302.822</b>	<b>3.733.997.668.072</b>	<b>3.907.970.302.822</b>	<b>238.809.607.974</b>	<b>(3.575.705.904)</b>	<b>3.907.970.302.822</b>	<b>4.143.204.204.892</b>

  
Hà Thanh Hòa  
Người lập/Kế toán trưởng

  
Choi Yunsun  
Giám đốc Tài chính

  
Jeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy phép Thành lập và Hoạt động**

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 77/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 34/GPĐC-UBCK được cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023.

**Trụ sở chính và chi nhánh**

Công ty đã thay đổi trụ sở chính từ Tầng G, Tầng M, Tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam sang Tầng 16 và 17, Tháp 02 Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam căn cứ theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 34/GPĐC-UBCK được điều chỉnh ngày 8 tháng 5 năm 2023.

Công ty có 3 chi nhánh, trong đó:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 401/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 7 năm 2013. Chi nhánh đặt tại Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 379/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 8 năm 2015. Chi nhánh đặt tại Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà Văn phòng, Số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 1 năm 2019. Chi nhánh đặt tại Tầng 1 và Tầng 15, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Điều lệ hoạt động**

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 8 tháng 5 năm 2023.

**Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 447 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 404 nhân viên).

**Quy mô vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của công ty là 3.001.686.130.000 Đồng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK được cấp ngày 8 tháng 5 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

**Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư**

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy chứng nhận số 32/GCN-UBCK chứng nhận Công ty đủ điều kiện cung cấp dịch vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh, bao gồm: môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh và tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh.

**Thông tin khác**

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các quy định sau:

- Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam;
- Thông tư 210/2014/TT-BTC đề ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư 334/2016/TT-BTC đề ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Công văn 6190/BTC-CDKT đề ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CDKT”) hướng dẫn kế toán chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai, chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Thông tư 23/2018/TT-BTC đề ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) hướng dẫn việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam;
- Thông tư 91/2020/TT-BTC đề ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Thông tư 114/2021/TT-BTC đề ngày 17 tháng 12 năm 2021 (“Thông tư 114/2021/TT-BTC”) bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC đề ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ;
- Các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường).

## 2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và 3.2); và
- Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và 3.4).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

## 2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

## 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của công ty chứng khoán, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán đang được giữ trên tài khoản ngân hàng của Công ty, liên quan tới một số giao dịch đã phát sinh thời điểm cuối năm tài chính, chủ yếu bao gồm các giao dịch ứng trước tiền mua tài sản tài chính cho các nhà đầu tư, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

## 2.7 Tài sản tài chính

## (a) Phân loại và đo lường

## (i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính này là một phần cấu thành của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính này là công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

## (i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Các tài sản tài chính này làm loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của các tài sản tài chính này được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

## (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

## (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn (mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn), trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (Ví dụ: Không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

## (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
  - Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
  - Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

## (iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

## (iii) Các khoản cho vay (tiếp theo)

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

## (iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phái thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

## (iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dùng ghi nhận.

Tại thời điểm dùng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dùng ghi nhận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (b) Phân loại lại

## (i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

## (ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

## (c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch, là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao đáng kể rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

## (e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày tính toán.

(ii) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá nhưng không quá một (1) tháng tính đến ngày định giá. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

(iii) *Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

## (e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)

(iv) *Trái phiếu không niêm yết*

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) *Chứng chỉ quỹ mở, quỹ đóng và quỹ hoán đổi danh mục ("quỹ ETF")*

Các chứng chỉ quỹ mở, quỹ đóng và quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại năm tài chính gần nhất tính đến ngày định giá.

(vi) *Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

(vii) *Chứng chỉ tiền gửi*

Chứng chỉ tiền gửi được định giá bằng giá trị chứng chỉ cộng lãi phải thu tính tới ngày lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

(f) *Hạch toán lãi/(lỗ)*

*Chi phí mua*

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

*Chi phí bán*

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

*Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán*

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

*Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính*

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

## 2.9 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

**Giao dịch môi giới**

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD".

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.10 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	20% - 33%
Phần mềm	10% - 33%

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

## 2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính, chủ yếu bao gồm chi phí thuê văn phòng và công cụ, vật dụng văn phòng. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 2.13 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.14 Nợ phải trả

## (a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

## (b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.15 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

## 2.16 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

## 2.17 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là các tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí trong năm.

## 2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của dòng tiền là trọng yếu thì dự phòng được ước tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những yếu tố trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

## 2.20 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm tiền lãi nhận trước cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.21 Vốn chủ sở hữu

(a) *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) *Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quý vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quý này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, theo Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thực hiện việc phân phối lại quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo hướng dẫn tại Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài Chính ban hành.

(c) *Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.21 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(d) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế TNDN hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

## 2.22 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

## 2.23 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

## 2.24 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) *Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư*

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, dựa vào mức độ hoàn thành của từng giao dịch trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.24 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(a) *Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư (tiếp theo)*

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm tài chính phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

(b) *Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính*

Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn tài sản tài chính được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) *Thu nhập trên vốn kinh doanh*

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch kỳ quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) *Thu nhập khác*

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

## 2.25 Chi phí

(a) *Ghi nhận*

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) *Phân loại*

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.26 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi phát sinh từ tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

## 2.27 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

## 2.28 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

## 2.29 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác.

## 2.30 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận nếu phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

## 2.31 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.32 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng	117.263.682.707	100.338.261.649
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	1.545.532.672
	<u>117.263.682.707</u>	<u>101.883.794.321</u>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng (*)	-	200.000.000.000
	<u>117.263.682.707</u>	<u>301.883.794.321</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản tương đương tiền nào (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 50.000.000.000 Đồng) được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Mẫu số B09 – CTCK

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
<b>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UpCom</b>	9.579.772	8.536.335	7.512.899	4.965.627
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	1.081.307	1.081.307	-	-
<b>Chứng chỉ tiền gửi (*)</b>	3.384.958.980.261	3.464.228.459.697	2.792.268.513.823	2.861.099.402.865
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.932.980.080.071	1.983.227.751.305	1.328.593.722.000	1.370.304.132.959
Ngân hàng TMCP Quân đội	526.262.565.990	532.948.045.443	159.943.599.835	160.720.586.136
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	424.318.252.000	431.716.635.546	441.000.000.000	460.823.217.808
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	501.398.082.200	516.336.027.403	506.784.791.989	508.248.627.604
Các ngân hàng khác	-	-	355.946.399.999	361.002.838.358
	<u>3.384.969.641.340</u>	<u>3.464.238.077.339</u>	<u>2.792.276.026.722</u>	<u>2.861.104.368.492</u>

(\*) Số dư thể hiện các chứng chỉ tiền gửi ghi danh Công ty tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam được Công ty sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các chứng chỉ tiền gửi có tổng giá trị là 2.340.000.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.116.000.000.000 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 3.13).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Tính hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá lại Chênh lệch giảm VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	10.661.079	309.500	(1.352.937)	9.617.642
Chứng chỉ tiền gửi	3.384.958.980.261	79.269.479.436	-	3.464.228.459.697
	3.384.969.641.340	79.269.788.936	(1.352.937)	3.464.238.077.339
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)	Chênh lệch đánh giá lại Chênh lệch giảm VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
Cổ phiếu	7.512.899	231.801	(2.779.073)	4.965.627
Chứng chỉ tiền gửi	2.792.268.513.823	68.830.889.042	-	2.861.099.402.865
	2.792.276.026.722	68.831.120.843	(2.779.073)	2.861.104.368.492

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)</b>		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	710.000.000.000	210.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	700.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	660.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000.000	201.197.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	300.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	205.000.000.000	155.000.000.000
Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Hà Nội	-	400.000.000.000
Các ngân hàng khác	454.331.506.849	100.000.000.000
	<u>3.229.331.506.849</u>	<u>1.216.197.000.000</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị là 2.929.331.506.849 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 716.197.080.000 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 3.13).

## 3.4 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

## (a) Các khoản cho vay

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ (i)	4.757.593.126.677	(112.877.066.920)	5.152.612.212.458	(107.873.460.788)
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	253.151.405.693	-	262.710.221.649	-
Cho vay khác	9.273.329	-	12.174.178	-
	<u>5.010.753.805.699</u>	<u>(112.877.066.920)</u>	<u>5.415.334.608.285</u>	<u>(107.873.460.788)</u>

## (i) Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ

Đây là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch kỳ quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch kỳ quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13.641.986.729.860 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14.047.526.830.720 Đồng).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.4 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính (tiếp theo)

## (a) Các khoản cho vay (tiếp theo)

## (ii) Ứng trước tiền bán chứng khoán

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T") và ngày T+1. Các khoản tạm ứng này sẽ được hoàn trả tại ngày T+2.

## (b) Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

Toàn bộ số dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính là liên quan đến các khoản cho vay kỳ quỹ.

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	(107.873.460.788)	(550.965.657)
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 4.6)	(5.003.606.132)	(107.322.495.131)
Số dư cuối năm	<u>(112.877.066.920)</u>	<u>(107.873.460.788)</u>

## 3.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Mã chứng khoán	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella	BTL 897.376.000	(*)	897.376.000	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn chi tiết về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.6 Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)	Giá trị phải thu khó đòi VND
(a) Các khoản phải thu				
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	115.597.273.830	-	29.467.912.951	-
Dự thu lãi các khoản cho vay	34.179.272.716	-	45.739.094.077	-
Phải thu tiền bán chứng khoản tự doanh	102.881.640	-	-	-
	<u>149.879.428.186</u>	<u>-</u>	<u>75.207.007.028</u>	<u>-</u>
(b) Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu từ dịch vụ chứng khoản	5.592.927.286	-	8.420.054.996	-
Phải thu phí lưu ký chứng khoản	2.159.600.645	-	1.623.037.139	-
Phải thu bên liên quan	1.364.794.355	-	1.512.292.806	-
Khác	3.133.132.047	-	9.433.879	-
	<u>12.250.454.333</u>	<u>-</u>	<u>11.564.818.820</u>	<u>-</u>

## 3.7 Chi phí trả trước

## (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí công nghệ thông tin cho việc vận hành hệ thống giao dịch	3.155.779.535	1.634.014.079
Tiền thuê văn phòng	7.708.976.940	229.594.001
Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch	3.056.689.705	1.222.426.433
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.089.982.740	761.601.622
	<u>15.011.428.920</u>	<u>3.847.636.135</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.7 Chi phí trả trước (tiếp theo)

## (b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chi phí cải tạo văn phòng (*)	10.294.496.311	1.278.120.963
Chi phí vật dụng văn phòng	5.176.627.913	2.283.312.217
Chi phí công nghệ thông tin cho việc vận hành hệ thống giao dịch	2.241.643.550	2.024.048.236
Chi phí bảo trì phần mềm giao dịch	200.628.000	911.706.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.259.776	212.724.891
	<u>17.924.655.550</u>	<u>6.709.912.707</u>

(\*) Tăng trong năm chủ yếu liên quan đến chi phí cải tạo cho trụ sở mới của Công ty.

## 3.8 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	10.174.882.855	5.459.039.255
Đặt cọc khác	540.515.250	698.900.000
	<u>10.715.398.105</u>	<u>6.157.939.255</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.9 Tài sản cố định

## (a) Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	37.033.242.113
Mua mới trong năm	7.396.769.090
Thanh lý trong năm	(39.879.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>44.390.132.203</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(28.978.390.221)
Khấu hao trong năm	(5.254.413.937)
Thanh lý trong năm	39.879.000
Tăng khác	3.490.724.542
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>(30.702.200.616)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	8.054.851.892
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>13.687.931.587</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18.993.133.113 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15.825.922.113 Đồng).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

## (b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	45.148.545.248
Mua mới trong năm	6.459.111.110
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>51.607.656.358</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(22.563.248.276)
Khấu hao trong năm	(6.051.786.427)
Giảm khác	(3.490.724.542)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>(32.105.759.245)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	22.585.296.972
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>19.501.897.113</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 14.196.437.915 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.466.000.000 Đồng).

## 3.10 Thuế TNDN hoãn lại

## Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>11.776.806.472</u>	<u>18.462.335.348</u>
Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:		
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ: Dự phòng suy giảm giá trị tài sản	58.884.032.360	92.311.676.739
Tính ở thuế suất 20%: Tài sản thuế TNDN hoãn lại:	<u>11.776.806.472</u>	<u>18.462.335.348</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.10 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

## Tài sản thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/phát sinh trong năm	18.462.335.348 (6.685.528.876)	- 18.462.335.348
Số dư cuối năm	<u>11.776.806.472</u>	<u>18.462.335.348</u>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

## 3.11 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liên trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	19.880.000.000	17.418.067.383
Tiền lãi nhận được	990.235.940	3.318.952.406
Tổng cộng	<u>20.990.235.940</u>	<u>20.857.019.789</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.12 Tiền nộp Quỹ bù trừ

Theo Thông tư 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 1 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định 42/2015/NĐ-CP đề ngày 5 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, quỹ bù trừ được hình thành từ các khoản đóng góp của thành viên bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán chấp thuận với mục đích bồi thường thiệt hại và hoàn tất các giao dịch chứng khoán phái sinh đứng tên thành viên bù trừ trong trường hợp thành viên bù trừ, nhà đầu tư của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán.

Theo Quyết định 97/QĐ-VSD đề ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 10.000.000.000 Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán vào Quỹ bù trừ cho giao dịch chứng khoán phái sinh. Các khoản đóng góp bổ sung định kỳ bao gồm khoản đóng góp bổ sung do đánh giá lại định kỳ và các khoản đóng góp bổ sung bất thường do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành theo từng thời kỳ.

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền nộp bổ sung	86.542.157	66.436.460
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.086.542.157</b>	<b>10.066.436.460</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.13 Các khoản vay

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	450.000.000.000	13.679.000.000.000	(11.729.000.000.000)	2.400.000.000.000
Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Tokyo	1.781.560.000.000	1.839.800.000.000	(1.781.560.000.000)	1.839.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	829.000.000.000	7.471.800.000.000	(7.595.200.000.000)	705.600.000.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui – Chi nhánh Singapore	1.158.430.000.000	1.210.600.000.000	(1.158.430.000.000)	1.210.600.000.000
Ngân hàng DBS	541.420.000.000	565.915.000.000	(541.420.000.000)	565.915.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	100.000.000.000	3.255.000.000.000	(3.055.000.000.000)	300.000.000.000
Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội	333.000.000.000	333.000.000.000	(333.000.000.000)	333.000.000.000
Ngân hàng Daegu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	120.000.000.000	120.000.000.000	(120.000.000.000)	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	90.000.000.000	537.500.000.000	(537.500.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	50.000.000.000	1.762.997.611.551	(1.852.997.611.551)	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	50.000.000.000	350.000.000.000	(350.000.000.000)	-
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	-	92.000.000.000	(92.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	200.000.000.000	220.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Ngân hàng Nonghyup Việt Nam	110.000.000.000	220.000.000.000	(220.000.000.000)	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	50.000.000.000	50.000.000.000	(100.000.000.000)	-
	<b>5.813.410.000.000</b>	<b>31.487.612.611.551</b>	<b>(29.666.107.611.551)</b>	<b>7.634.915.000.000</b>

Số dư thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài có thời gian đáo hạn dưới một năm, trong đó có một số khoản vay có tài sản đảm bảo là các chứng chỉ tiền gửi với giá trị là 2.340.000.000.000 Đồng (Thuyết minh 3.2) và các hợp đồng tiền gửi với giá trị là 2.929.331.506.849 Đồng (Thuyết minh 3.3). Gốc vay được trả một lần vào cuối thời hạn của từng lần giải ngân. Lãi suất của các khoản vay là từ 3,5% đến 8,5%/năm (tính ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4,89%/năm đến 8,50%/năm). Mục đích của các khoản vay là để tài trợ cho hoạt động đầu tư và vốn lưu động của Công ty. Đối với các khoản vay ngoại tệ, Công ty đã thực hiện quản lý rủi ro bằng cách ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ cheo với các ngân hàng thương mại.

Mẫu số B09 – CTCK



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.14 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	3.403.036.096	3.394.967.844
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	615.958.975	862.103.901
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	638.933.913	615.604.978
	<u>4.657.928.984</u>	<u>4.872.676.723</u>

## 3.15 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	227.505.791	234.304.230	(302.467.625)	159.342.396
Thuế TNDN - hiện hành	30.518.383.715	53.254.433.042	(75.518.383.714)	8.254.433.043
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	1.930.527.962	24.591.039.519	(24.512.391.075)	2.009.176.406
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	13.172.172.405	131.405.197.056	(135.223.032.612)	9.354.336.849
Thuế nhà thầu nước ngoài	834.686.890	12.769.712.215	(13.030.029.864)	574.369.241
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	<u>46.683.276.763</u>	<u>222.260.686.062</u>	<u>(248.592.304.890)</u>	<u>20.351.657.935</u>

## 3.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	81.308.430.287	74.553.477.694
Phí bảo lãnh phải trả cho công ty mẹ	1.348.254.246	3.247.225.389
Dự chi lương nhân viên	4.887.435.593	2.712.890.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	706.915.902	496.661.466
	<u>88.251.036.028</u>	<u>81.010.254.549</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả trái tức cho các nhà đầu tư (*)	93.923.364.694	-
Phải trả nhà đầu tư (**)	5.606.418.690	13.042.369.568
Phải trả khác	-	55.838.518
	<u>99.529.783.384</u>	<u>13.098.208.086</u>

(\*) Số dư thể hiện trái tức phải trả cho các nhà đầu tư cá nhân theo hợp đồng dịch vụ mà Công ty là đại lý thanh toán.

(\*\*) Số dư thể hiện các giao dịch gửi tiền của Nhà đầu tư vào thời điểm cuối ngày kết thúc năm tài chính chưa được ghi nhận vào tài khoản tiền gửi của Nhà đầu tư tại Công ty. Các khoản tiền gửi này được Công ty chuyển sang tài khoản của Nhà đầu tư vào ngày làm việc đầu tiên sau ngày kết thúc năm tài chính.

## 3.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động về Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty trong năm như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Số dư đầu năm	2.021.277.229	917.110.979
Trích lập trong năm (Thuyết minh 5.1)	3.575.705.904	4.812.650.450
Sử dụng trong năm	(4.293.462.475)	(3.708.484.200)
	<u>1.303.520.658</u>	<u>2.021.277.229</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.19 Vốn góp của chủ sở hữu

## (a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu phổ thông	31/12/2022 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	300.168.613	300.168.613
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	300.168.613	300.168.613
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.168.613	300.168.613

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		31/12/2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH Chứng khoán KB	299.596.020	99,81%	299.596.020	99,81%
Các cổ đông khác	572.593	0,19%	572.593	0,19%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	300.168.613	100,00%	300.168.613	100,00%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 3.20 Lợi nhuận chưa phân phối

Mẫu số B09 – CTCK

	Tại ngày		Số dư tại ngày 31/12/2023 VND	Số dư tại ngày 31/12/2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND		
Số dư đầu năm	830.798.854.454	680.889.461.952	830.798.854.454	680.889.461.952
Lợi nhuận sau thuế trong năm	238.809.607.974	178.785.295.200	238.809.607.974	178.785.295.200
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Thuyết minh 2.21(b))	-	(12.031.626.124)	-	(12.031.626.124)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (Thuyết minh 2.21(b))	-	(12.031.626.124)	-	(12.031.626.124)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 5.1)	(3.575.705.904)	(4.812.650.450)	(3.575.705.904)	(4.812.650.450)
Tổng cộng	1.066.032.756.524	830.798.854.454	1.066.032.756.524	830.798.854.454

	Lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:		Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 5.1) VND	Số dư tại ngày 31/12/2023 VND
	Lợi nhuận sau thuế trong năm VND	Lợi nhuận sau thuế 31/12/2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)		
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	228.369.513.745	762.084.785.098	(3.575.705.904)	986.878.592.939
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.440.094.229	68.714.069.356	-	79.154.163.585
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	238.809.607.974	830.798.854.454	(3.575.705.904)	1.066.032.756.524

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

## 4.1 Lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	54.422.963.807	49.853.407.693
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	103.672.267	313.035.724
- Trái phiếu niêm yết	-	1.113.540.364
- Chứng chỉ tiền gửi	54.319.291.540	48.426.831.605
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(7.647.043.668)	(24.994.132.124)
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	(37.581.918)	(419.827.244)
- Trái phiếu niêm yết	-	(1.365.199)
- Chứng chỉ tiền gửi	(7.609.461.750)	(24.572.939.681)
Lợi nhuận thuần	46.775.920.139	24.859.275.569

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.1 Lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

## (a) Lãi từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	50.027	980.789.040	(877.116.773)	103.672.267	313.035.724
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	1.113.540.364
Chứng chỉ tiền gửi	12.241	26.478.581.863.866	(26.424.262.572.326)	54.319.291.540	48.426.831.605
	62.268	26.479.562.652.906	(26.425.139.689.099)	54.422.963.807	49.853.407.693

## (b) Lỗ từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lỗ bán năm nay VND	Lỗ bán năm trước VND
Cổ phiếu niêm yết	21.078	322.119.370	(359.701.288)	(37.581.918)	(419.827.244)
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	(1.365.199)
Chứng chỉ tiền gửi	367	1.569.593.970.094	(1.577.203.431.844)	(7.609.461.750)	(24.572.939.681)
	21.445	1.569.916.089.464	(1.577.563.133.132)	(7.647.043.668)	(24.994.132.124)

(\*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với tất cả các loại tài sản tài chính FVTPL.

Mẫu số B09 – CTCK



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Mẫu số B09 – CTCK

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	10.438.668.093	19.169.164.475
Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	1.426.136	15.357.391
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.440.094.229</b>	<b>19.184.521.866</b>

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31/12/2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	9.579.772	8.536.335	(1.043.437)	(2.547.272)	1.503.835
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.081.307	1.081.307	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	3.384.958.980.261	3.464.228.459.697	79.269.479.436	68.830.889.042	10.438.590.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.384.969.641.340</b>	<b>3.464.238.077.339</b>	<b>79.268.435.999</b>	<b>68.828.341.770</b>	<b>10.440.094.229</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	2023 VND	2022 VND (Điều chỉnh lại – Thuyết minh 10)
Cổ tức	322.900	12.900.585
Lãi chứng chỉ tiền gửi	160.654.361.356	83.138.972.995
	<b>160.654.684.256</b>	<b>83.151.873.580</b>

## 4.4 Lãi từ các khoản đầu tư HTM

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	204.820.066.657	68.032.098.870

## 4.5 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2023 VND	2022 VND
Cho vay kỳ quỹ	494.919.519.380	492.223.051.031
Ứng trước tiền bán chứng khoán	30.805.172.667	32.385.551.850
	<b>525.724.692.047</b>	<b>524.608.602.881</b>

## 4.6 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2023 VND	2022 VND
Trích lập dự phòng của các khoản cho vay kỳ quỹ (Thuyết minh 3.4)	5.003.606.132	107.322.495.131



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	165.247.988.651	201.331.248.429
Chi phí khấu hao	7.324.079.296	7.551.515.035
Chi phí dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	49.963.066.708	58.885.504.832
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.995.442.748	11.165.653.466
Chi phí bảo trì hệ thống giao dịch	6.984.015.912	5.350.295.937
Chi phí thuê văn phòng	17.878.365.908	13.213.228.699
Chi phí khác	11.195.894.863	16.552.063.413
	<u>272.588.854.086</u>	<u>314.049.509.811</u>

## 4.8 Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	113.074	356.461
Chi phí lãi vay	506.611.579.194	310.894.700.291
Chi phí tài chính khác	1.608.255.661	4.626.669.596
	<u>508.219.947.929</u>	<u>315.521.726.348</u>

## 4.9 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	58.899.516.654	41.246.118.931
Chi phí khấu hao	3.982.121.068	1.061.656.466
Chi phí thuê văn phòng	10.910.075.435	2.086.649.172
Chi phí vật tư, văn phòng	3.491.786.529	519.775.422
Chi phí bảo trì	3.163.037.788	244.640.667
Chi phí quảng cáo	14.962.716.903	1.353.063.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.565.039.723	22.998.454.882
	<u>118.974.294.100</u>	<u>69.510.359.458</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.10 Chi phí thuế TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	298.749.011.615	224.309.299.150
Thuế tính ở thuế suất 20%	59.749.802.323	44.861.859.830
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	189.668.698	696.258.197
Khác	(67.380)	(34.114.077)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>59.939.403.641</u>	<u>45.524.003.950</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong năm		
Thuế TNDN – hiện hành	53.253.874.765	64.018.383.714
Thuế TNDN – hoãn lại	6.685.528.876	(18.494.379.764)
	<u>59.939.403.641</u>	<u>45.524.003.950</u>

(\*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 4.11 Lãi trên cổ phiếu

## (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 4 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

## 4.11 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

## (a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

	2023	2022
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	238.809.607.974	178.785.295.200
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(3.575.705.904)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	238.809.607.974	175.209.589.296
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	300.168.613	300.168.613
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	796	584

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC như sau:

	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh lại	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	178.785.295.200	-	178.785.295.200
Điều chỉnh giảm lợi nhuận do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.575.705.904)	(3.575.705.904)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	178.785.295.200	(3.575.705.904)	175.209.589.296
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	300.168.613	-	300.168.613
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	596	(12)	584

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số phân phối cho quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức năm 2024.

## (b) Lãi pha loãng trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

1.201.626.124

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 5.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (**) VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (**) VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.001.686.130.000	18.275.822.797	33.146.243.323	680.889.461.952	3.733.997.658.072
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.812.650.450)	(4.812.650.450)
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	12.031.626.124	-	(12.031.626.124)	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	12.031.626.124	(12.031.626.124)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	178.785.295.200	178.785.295.200
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.001.686.130.000	30.307.448.921	45.177.869.447	830.798.854.454	3.907.970.302.822
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 3.18, 3.20) (*)	-	-	-	(3.575.705.904)	(3.575.705.904)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	238.809.607.974	238.809.607.974
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.001.686.130.000	30.307.448.921	45.177.869.447	1.066.032.756.524	4.143.204.204.892

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 21 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2% lợi nhuận sau thuế của năm 2022.

(\*\*) Công ty chưa thực hiện việc phân phối lại quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo hướng dẫn tại Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài Chính ban hành.

Mẫu số B09 – CTCK



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 6 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan với mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Công ty TNHH Chứng khoán KB		
Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh TP.HCM		
Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo		
Công ty Cổ phần KB Fina		
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
		Nhân sự quản lý chủ chốt
<b>(a) Giao dịch với các bên liên quan</b>		
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Công ty TNHH Chứng khoán KB</b>		
Phí bảo lãnh	6.858.704.446	4.205.042.060
Doanh thu phí nghiên cứu	573.535.600	920.650.500
Các khoản trả hộ	2.503.745.562	3.950.525.869
Doanh thu phí giao dịch	1.012.718.798	332.870.481
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo</b>		
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	128.823.437.108	59.556.907.991
Lãi vay đã trả	122.749.509.845	42.337.497.704
Vay trong năm	1.839.800.000.000	1.781.560.000.000
Gốc vay trong năm đã trả	1.781.560.000.000	1.112.480.000.000
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội</b>		
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	21.883.493.971	18.863.021.372
Lãi vay đã trả	22.061.736.712	18.979.282.741
Vay trong năm	333.000.000.000	333.000.000.000
Gốc vay trong năm đã trả	333.000.000.000	333.000.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	52.239.500	1.242.794
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.164.384	7.397.261
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh TP.HCM</b>		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.073	82.060
<b>Công ty Cổ phần KB Fina</b>		
Chi phí dịch vụ phát sinh trong năm	59.206.406	2.380.334.210
Phí dịch vụ đã trả	285.806.406	2.154.307.225
<b>Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt</b>		
Hội đồng Quản trị	-	185.714.286
Ban Kiểm soát	120.000.000	108.867.143
Ban Tổng Giám đốc	3.835.574.639	6.617.139.729

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 6 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Công ty TNHH Chứng khoán KB</b>		
Phải thu khác	1.232.387.355	1.280.533.806
Phải thu doanh thu nghiên cứu	132.407.000	231.759.000
Phí bảo lãnh phải trả	1.348.254.246	3.247.225.389
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Hà Nội</b>		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	333.000.000.000	333.000.000.000
Lãi vay phải trả	243.591.780	421.834.521
Tiền gửi có kỳ hạn	-	400.000.000.000
Tiền gửi không kỳ hạn	190.139.996	219.607.398
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	2.191.781
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh TP.HCM</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn	82.804.228	82.952.823
<b>Ngân hàng Kookmin – Chi nhánh Tokyo</b>		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	1.839.800.000.000	1.781.560.000.000
Lãi vay phải trả	24.864.497.983	18.790.570.720
<b>Công ty Cổ phần KB Fina</b>		
Phí dịch vụ trả trước	-	226.600.000

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	117.263.682.707	301.883.794.321
Tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 3.2)	3.464.228.459.697	2.861.099.402.865
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.3)	3.229.331.506.849	1.216.197.000.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.4)	5.010.753.805.699	5.415.334.608.285
Các khoản phải thu và phải thu khác	162.129.882.519	86.774.825.848
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (Thuyết minh 3.11)	20.990.235.940	20.857.019.789
Tiền nộp Quỹ bù trừ (Thuyết minh 3.12)	10.086.542.157	10.066.436.460
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.730.398.105	6.172.939.255
<b>Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng</b>	<b>12.025.514.513.673</b>	<b>9.918.386.026.823</b>

*Số dư với ngân hàng*

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có bậc tín nhiệm cao, Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

*Số dư với ngân hàng (tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có số dư với các ngân hàng chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.725.742.396.370	1.738.061.659.948
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.010.794.122.576	158.613.704.441
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	721.721.302.955	129.997.932
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	431.716.635.561	460.823.217.808
Ngân hàng TMCP Quân đội	533.103.377.131	160.759.431.829
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	508.248.627.605
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	213.318.625.600	416.504.674.210
Ngân hàng Kookmin - Chi nhánh Hà Nội	190.139.996	400.221.799.179
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.636.586.600.189</b>	<b>3.843.363.112.952</b>

*Tài sản tài chính FVTPL*

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu doanh nghiệp, được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

*Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

*Hợp đồng giao dịch ký quỹ*

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Quản trị rủi ro có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn tỷ lệ Công ty quy định (tỷ lệ này được xây dựng theo quy định nội bộ và không thấp hơn tỷ lệ 30% theo luật định), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13.641.986.729.860 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 14.047.526.830.720 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	112.877.066.920	107.873.460.788
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	4.644.716.059.757	5.044.738.751.670
Dự phòng đã lập	(112.877.066.920)	(107.873.460.788)
Giá trị thuần	4.644.716.059.757	5.044.738.751.670

*Các khoản phải thu và tài sản khác*

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

## (b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

## • Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

## • Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, rủi ro về biến động giá cổ phiếu của Công ty là thấp, do giá trị và số lượng của các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục đầu tư là không đáng kể. Công ty trình bày các cổ phiếu này trên khoản mục tài sản tài chính FVTPL.

## • Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 USD	31/12/2022 USD
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	72	107
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay	(151.000.000)	(151.000.000)
<b>Nợ tài chính thuần</b>	<b>(150.999.928)</b>	<b>(150.999.893)</b>
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ thuần</b>	<b>(150.999.928)</b>	<b>(150.999.893)</b>

Rủi ro ngoại tệ đối với Công ty được đánh giá là thấp do Công ty cũng đã quản lý rủi ro này bằng cách ký kết các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo đối với các khoản vay bằng ngoại tệ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ phải trả tài chính. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 3.13.

Bảng dưới đây là các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo giá trị sổ sách:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	7.634.915.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.14)	4.657.928.984	-
Phải trả người bán ngắn hạn	895.141.559	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	88.251.036.028	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.17)	99.529.783.384	-
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>7.828.248.889.955</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>		
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.13)	5.813.410.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.14)	4.872.676.723	-
Phải trả người bán ngắn hạn	3.053.702.918	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	81.010.254.549	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.17)	13.098.208.086	-
<b>Tổng nợ phải trả tài chính</b>	<b>5.915.444.842.276</b>	<b>-</b>

## (d) Chi tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## (d) Chi tiêu an toàn tài chính (tiếp theo)

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC. Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 516% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 742%).

## 8 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
(a) Của Công ty Cổ phiếu	71.605	1.312.208.410
(b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	8.971.690.802	174.447.818.402.910
Trái phiếu	4.518.000	439.322.150.000
Khác	55.112.897	75.545.878.840
	<u>9.031.393.304</u>	<u>174.963.998.640.160</u>

## 9 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dưới 1 năm	26.760.156.026	5.218.986.965
Từ 1 đến 5 năm	109.313.452.662	-
Tổng cộng	<u>136.073.608.688</u>	<u>5.218.986.965</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 10 ĐIỀU CHỈNH LẠI

Công ty đã điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để phản ánh đúng bản chất của số dư và giao dịch. Các điều chỉnh này không ảnh hưởng tới tổng tài sản, lợi nhuận trước thuế và lưu chuyển tiền thuần trong năm trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Chi tiết như sau:

## (a) Báo cáo tình hình tài chính (trích lược)

Mã số	Chi tiêu	Chú thích	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		
			Số liệu đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu điều chỉnh lại VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		9.787.250.759.663	- 9.787.250.759.663	
110	Tài sản tài chính		9.777.192.297.273	- 9.777.192.297.273	
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	(i)	2.792.273.479.450	68.830.889.042	2.861.104.368.492
117	Các khoản phải thu	(i)	144.037.896.070	(68.830.889.042)	75.207.007.028
270	TỔNG TÀI SẢN		<u>9.874.001.612.831</u>	- 9.874.001.612.831	
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.907.970.302.822	- 3.907.970.302.822	
410	Vốn chủ sở hữu		3.907.970.302.822	- 3.907.970.302.822	
417	Lợi nhuận chưa phân phối		830.798.854.454	- 830.798.854.454	
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(ii)	830.915.674.140	(68.830.889.042)	762.084.785.098
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(ii)	(116.819.686)	68.830.889.042	68.714.069.356
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		<u>9.874.001.612.831</u>	- 9.874.001.612.831	

(i) Phân loại khoản mục dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi từ "Các khoản phải thu" sang "Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")" với số tiền là 68.830.889.042 đồng để phản ánh giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL; và

(ii) Phân loại lại giữa "Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện" và "Lợi nhuận chưa thực hiện" liên quan đến việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL là các khoản chứng chỉ tiền gửi với số tiền là 68.830.889.042 đồng do ảnh hưởng của việc phân loại từ điểm (i).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 10 ĐIỀU CHỈNH LẠI (TIẾP THEO)

## (b) Báo cáo kết quả hoạt động (trích lược)

Mã số	Chi tiêu	Chú thích	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
			Số liệu đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu điều chỉnh lại VND
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		152.174.445.748	-	152.174.445.748
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	(iii)	33.085.380.296	16.768.027.397	49.853.407.693
01.2	Tăng/(giảm) chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(iii)	(160.222.076)	19.329.386.551	19.169.164.475
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	(iii)	119.249.287.528	(36.097.413.948)	83.151.873.580
20	<b>TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		<b>1.063.886.760.458</b>	<b>-</b>	<b>1.063.886.760.458</b>
90	<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>224.309.299.150</b>	<b>-</b>	<b>224.309.299.150</b>
91	Lợi nhuận đã thực hiện	(iv)	224.454.163.835	(19.329.386.551)	205.124.777.284
92	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(iv)	(144.864.685)	19.329.386.551	19.184.521.866
200	<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>178.785.295.200</b>	<b>-</b>	<b>178.785.295.200</b>

(iii) Phân loại lại phần lãi chứng chỉ tiền gửi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL từ "Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL" sang "Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL" với số tiền là 16.768.027.397 đồng, và sang biến động "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL" với số tiền là 19.329.386.551 đồng để phản ánh bản chất của nguồn thu nhập; và

(iv) Phân loại "Lợi nhuận đã thực hiện" và "Lợi nhuận chưa thực hiện" liên quan đến ảnh hưởng của điểm (iii) nêu trên với số tiền là 19.329.386.551 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

## 10 ĐIỀU CHỈNH LẠI (TIẾP THEO)

## (c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trích lược)

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
		Số liệu đã báo cáo VND	Điều chỉnh lại VND	Số liệu điều chỉnh lại VND
02	Điều chỉnh cho các khoản:	277.504.241.099	68.830.889.042	346.335.130.141
08	Dự thu tiền lãi	(144.037.896.070)	68.830.889.042	(75.207.007.028)
18	<b>Biến động các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>160.230.269</b>	<b>(19.329.386.551)</b>	<b>(19.169.156.282)</b>
19	(Tăng)/giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	160.222.076	(19.329.386.551)	(19.169.164.475)
30	<b>Tổng thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(1.575.015.608.006)</b>	<b>(49.501.502.491)</b>	<b>(1.624.517.110.497)</b>
36	Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	119.901.530.335	(49.501.502.491)	70.400.027.844

Công ty đã phân loại lại một số khoản mục trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do việc phân loại lại dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi từ chứng chỉ tiền gửi từ "các khoản phải thu" sang "tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")" trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## (d) Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (trích lược)

Công ty đã phân loại lại một số khoản mục trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 do ảnh hưởng của việc phân loại lại như đã trình bày trong thuyết minh 10(a), 10(b) và 10(c).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

#### 11 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 28 tháng 2 năm 2024, Công ty nhận Quyết định số 08/QĐ-SGDVN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, trong đó, chấp thuận Công ty là thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Ngày 29 tháng 2 năm 2024, Công ty đã nhận Quyết định số 95/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trong đó, chấp thuận cho Công ty được kết nối giao dịch đến thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2024.



Hà Thanh Hòa  
Người lập/Kế toán trưởng



Choi Yunsun  
Giám đốc Tài chính



Jeon Mun Cheol  
Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền












## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---



### Trụ sở chính

 Tầng 16 - 17, Tháp 2, Tòa Capital Place, 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.  
 (84) 24 7303 5333 - Fax: (84) 24 3776 5928  [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)



### Chi nhánh Hà Nội

 Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội.  
 (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Sài Gòn

 Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh.  
 (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

 Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh.  
 (84) 28 7303 5333 - Fax: (84) 28 3914 1969